

CTCP CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN **20**
25



CANTHOWASSCO

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ



Địa chỉ liên lạc: 2A Nguyễn Trãi, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Số điện thoại: 0292 381 0188

Số fax: 0292 381 0188

Website: ctn-cantho.com.vn

“Vững dòng chảy - Vươn tầm xa”



**“Vững dòng chảy
Vươn tầm xa”**

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức
kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu, tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của
chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi
trường và xã hội của Công ty

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh
doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách,
quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến
kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về
môi trường và xã hội của Công ty

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt
động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan
đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của
Ban Tổng giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát
trong năm
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc
và Ban kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Thông tin khái quát

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại địa chỉ số 2A Nguyễn Trãi, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Công ty được nhận giấy đăng ký doanh nghiệp số 1800155244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 28/06/2004. Ngày 06/08/2025, Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 13.



Mã cổ phiếu
CTW

Vốn điều lệ
280.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
280.000.000.000 đồng

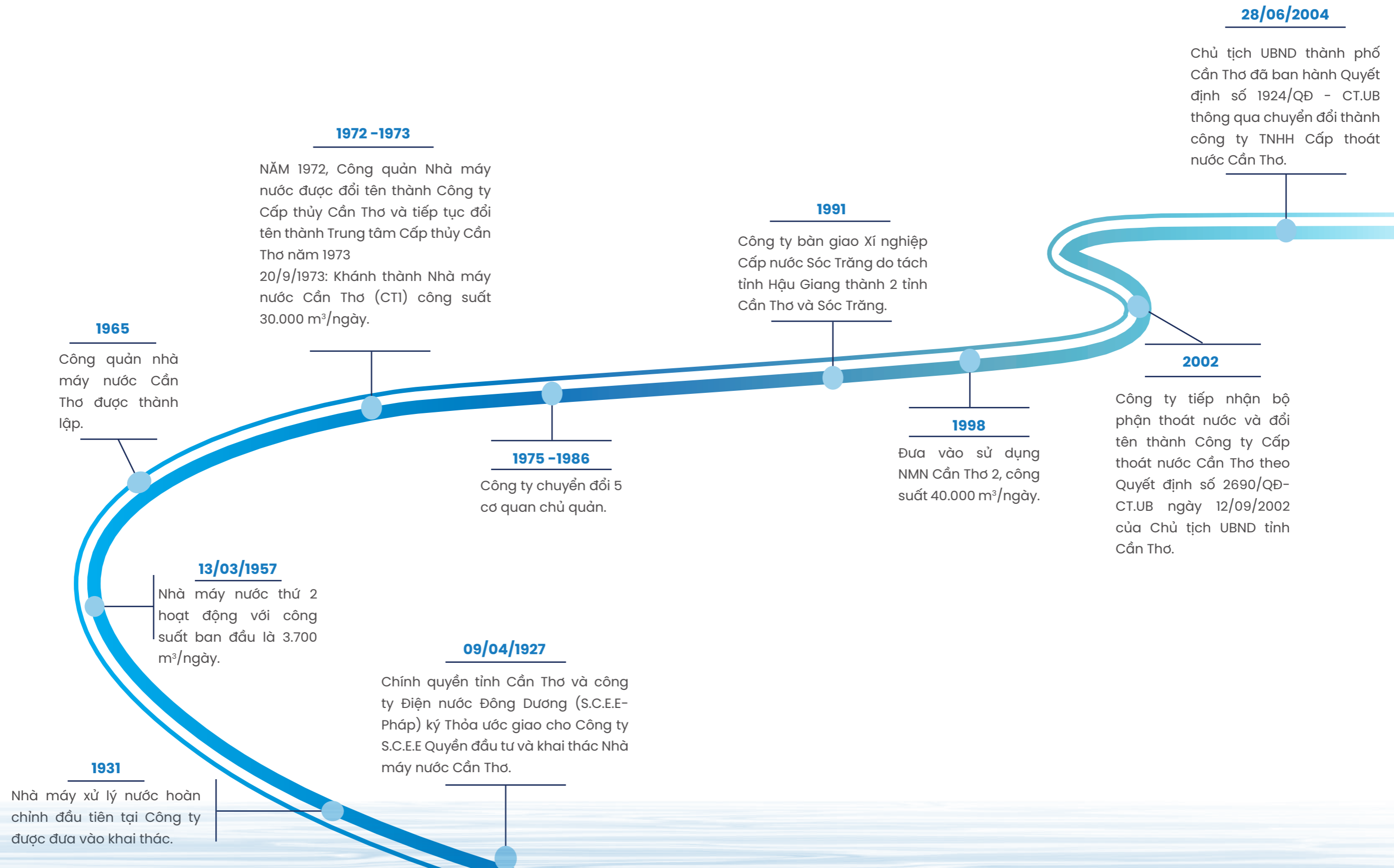
Tên tiếng Anh

CANTHO WATER SUPPLY – SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

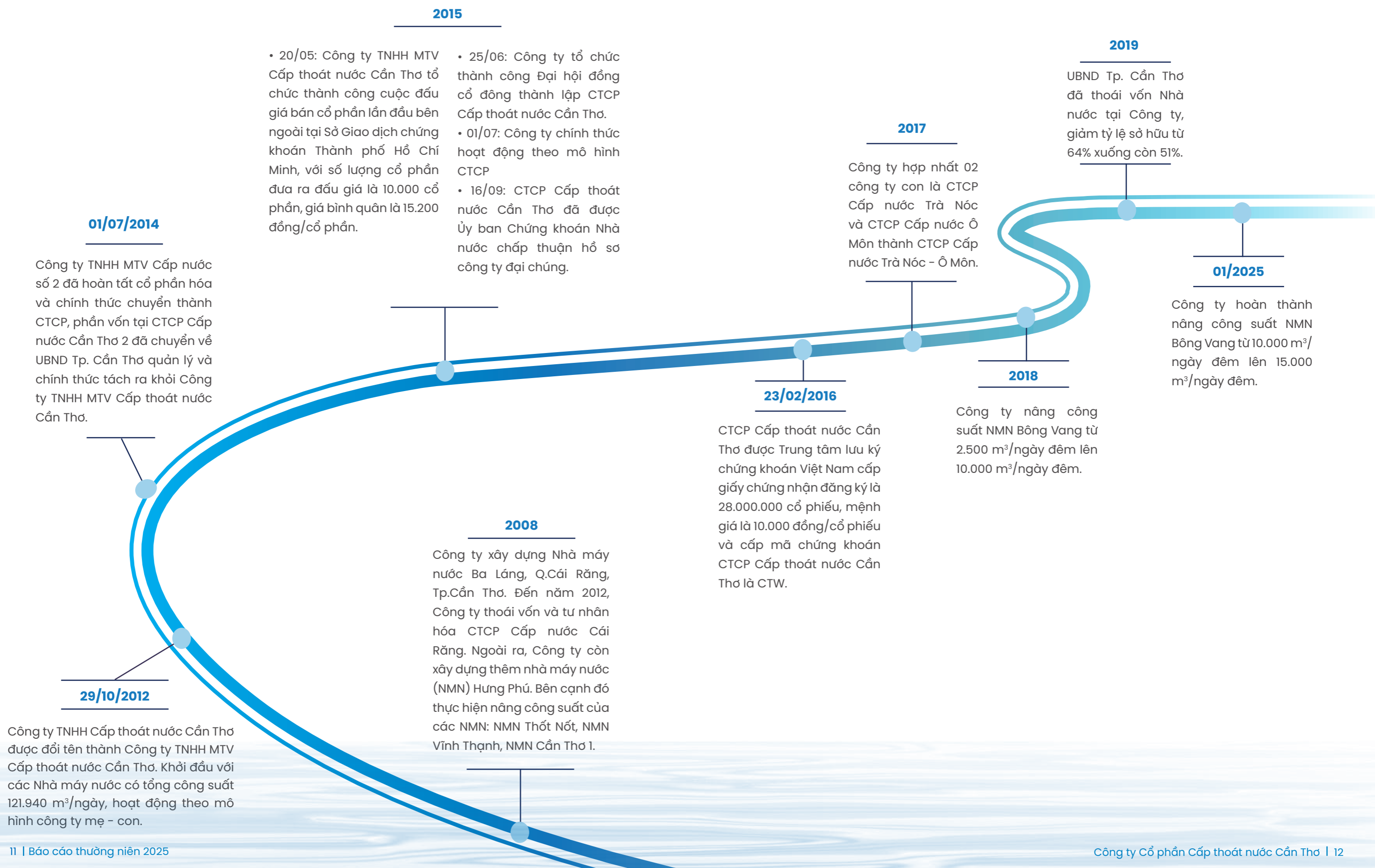
Tên viết tắt	CANTHOWASSCO
Địa chỉ	2A Nguyễn Trãi, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
Website	ctn-cantho.com.vn
Số điện thoại	0292 381 0188
Số fax	0292 381 0188
Email	ctncantho@gmail.com



Quá trình hình thành và phát triển



Quá trình hình thành và phát triển



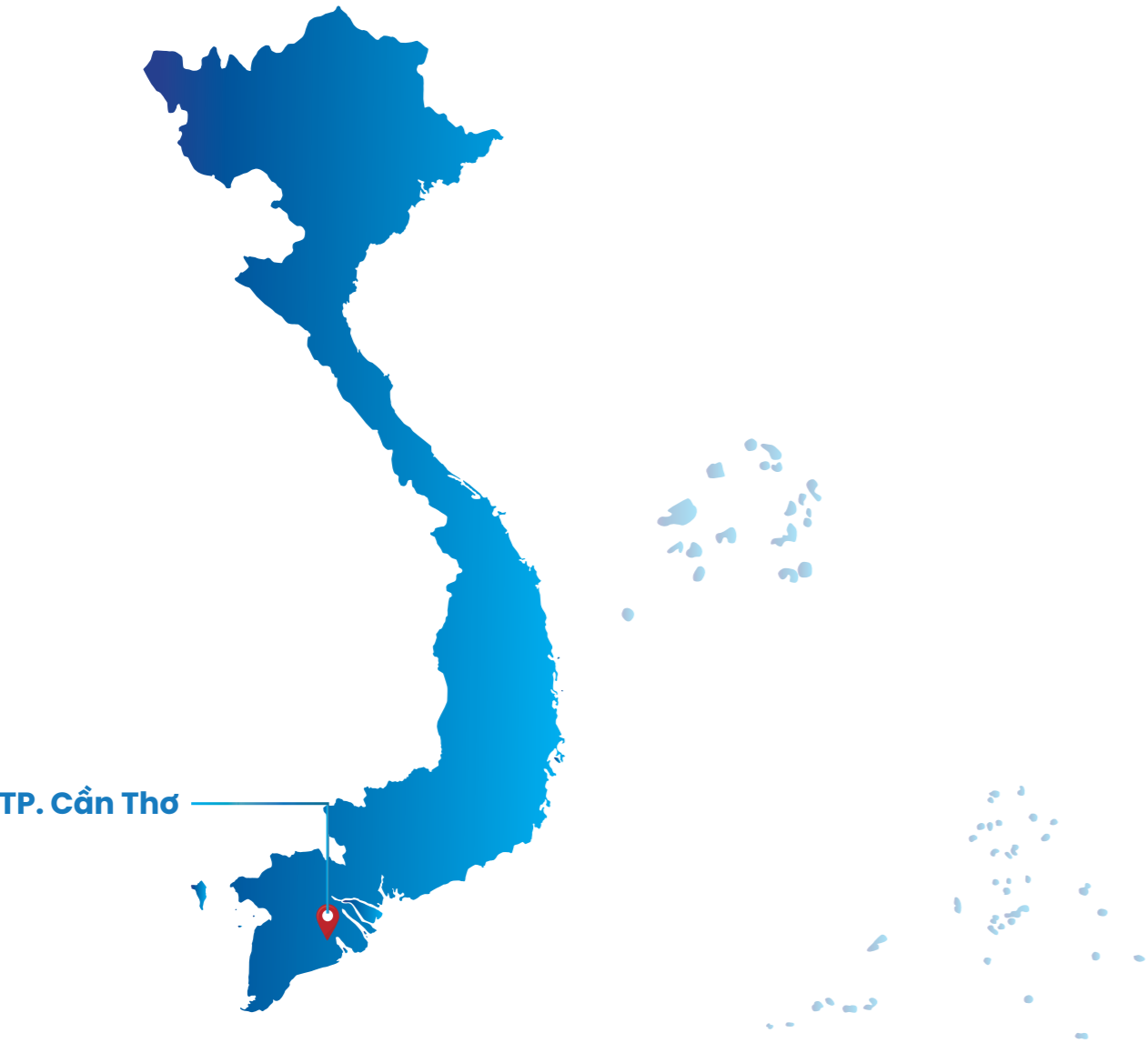
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính:

Hiện nay, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sinh hoạt
- Lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng
- Xây lắp, thi công công trình cấp thoát nước
- Thoát nước và xử lý nước thải

Địa bàn kinh doanh



Chi nhánh/ Công ty	Địa bàn kinh doanh	Số điện thoại	Ghi chú
CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ	Các phường An Bình, Tân An, Ninh Kiều, Hưng Phú, Cái Răng, xã Phong Điền, xã Nhơn Ái và xã Trường Long.	0292 3810 188	Doanh nghiệp chủ quản
CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn	KCN Trà Nóc 1 và 2, phường Thới An Đông, phường Long Tuyền, phường Ô Môn, phường Phước Thới, phường Thới Long, xã Thới Lai, một phần xã Trường Thành, xã Đông Thuận, xã Đông Hiệp, xã Cờ Đỏ, một phần xã Thạnh Phú.	0292 3843 392	Công ty con
CTCP Cấp nước Thốt Nốt	Một phần trên địa bàn của phường Thốt Nốt, Thuận Hưng; Trung Nhứt; xã Vĩnh Trinh; xã Vĩnh Thạnh, xã Thạnh Quới và xã Thạnh An	0292 3851 354	Công ty con
Chi nhánh Cấp nước số 1	Phần lớn phường Ninh Kiều và một phần phường Tân An	0292 3839 946	Chi nhánh
Chi nhánh Cấp nước An Bình	Phần lớn phường An Bình và một phần phường Tân An	0292 3914 757	Chi nhánh
Chi nhánh Cấp nước Hưng Phú	Phường Hưng Phú và một phần phường Cái Răng.	0292 3837 565	Chi nhánh
Chi nhánh Cấp nước Bông Vang	Xã Phong Điền, xã Nhơn Ái, xã Trường Long, một phần phường An Bình và một phần phường Cái Răng	0292 3933 329	Chi nhánh + Nhà máy
Nhà máy nước Cần Thơ 1	Phường Ninh Kiều, phường Tân An	0292 3738 447	Nhà máy
Nhà máy nước Hưng Phú	Phường Hưng Phú và một phần phường Cái Răng	0292 3943 180	Nhà máy

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

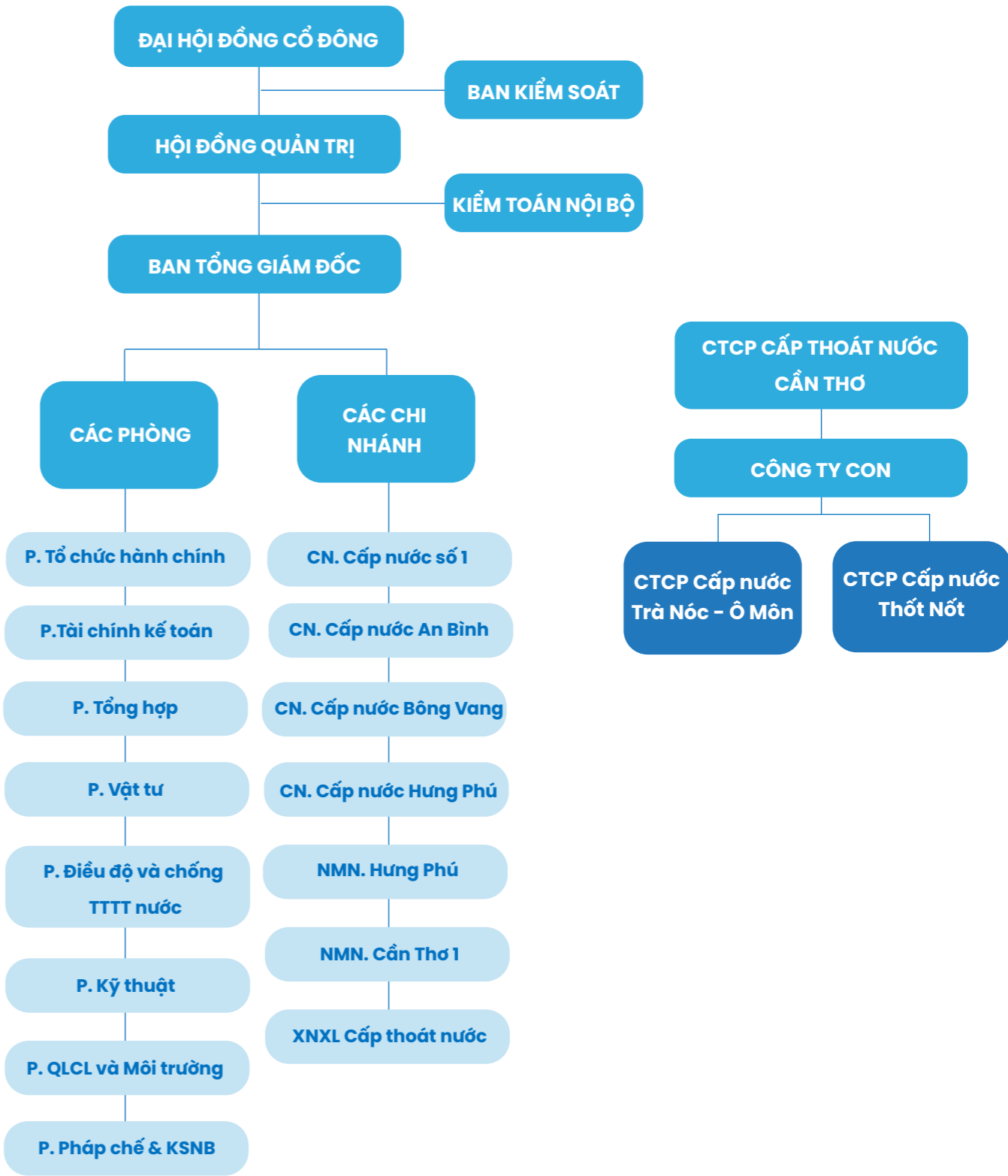
Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ được tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

Công ty con và các công ty liên kết

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	79.781.500.000 đồng	65,42%
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Số 392, Quốc lộ 91, Long Thạnh A, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	34.500.710.000 đồng	85,81%
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến (Cần Thơ) (Hiện công ty đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế)	Khu dân cư số 5, đường 30/4, Phường Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.	Sản xuất, kinh doanh ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành Cấp thoát nước	10.000.000.000 đồng	30,00%



Định hướng phát triển

01

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Việc duy trì sản xuất nguồn cung nước sạch, an toàn cho cộng đồng đã và sẽ tiếp tục là mục tiêu cốt lõi của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ trong năm 2025. Công ty vẫn tiếp tục tối ưu hóa hiệu suất của các hệ thống cấp nước cũng như duy trì hệ thống phân phối linh hoạt để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước tăng cao của người dân.

Các mục tiêu chính trong năm 2025 gồm:

- Sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp. Tiếp tục công tác tuyển dụng và đào tạo chuyên môn, tay nghề nhằm từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ đó nâng cao chất lượng công ty.
- Xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn, giảm thiểu thất thoát và nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng nước, đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch, ổn định cho người dân. Song song đó, công ty đẩy mạnh các hoạt động xử lý nước thải, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và hướng tới sử dụng tài nguyên nước một cách hiệu quả, góp phần bảo vệ hệ sinh thái và phát triển cộng đồng bền vững.
- Phát triển các dịch vụ chăm sóc khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng qua việc nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nước, mở rộng phạm vi cung cấp nước tới các khu dân cư mới, khu đô thị và các địa bàn còn hạn chế khả năng tiếp cận nước sạch.
- Cuối cùng, mối quan tâm về công nghệ được công ty đặt trọng tâm khi luôn phát triển và nghiên cứu nhằm không ngừng cải tiến để nâng cao hiệu suất hoạt động, CTW ưu tiên đầu tư chiều sâu vào dây chuyền sản xuất, đổi mới công nghệ để giảm chi phí, nâng cao chất lượng nước sạch cung cấp cho người dân và đảm bảo sự phát triển ổn định, dài hạn của doanh nghiệp.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ thiết lập các chiến lược phát triển chi tiết và linh hoạt để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định trong trung hạn và dài hạn.

Trong giai đoạn trung hạn, CANTHOWASSCO tập trung củng cố năng lực vận hành và nâng cao hiệu quả cung cấp nước sạch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người dân và doanh nghiệp. Công ty ưu tiên tối ưu hóa hệ thống cấp nước thông qua giảm thất thoát nước, thay thế dần các đường ống cũ và hoàn thiện hệ thống quản lý áp lực, lưu lượng. Bên cạnh đó, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ mở rộng phạm vi cấp nước đến các khu dân cư mới, khu đô thị và những địa bàn chưa có khả năng tiếp cận nước sạch ổn định. Công ty cũng chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng, phát triển các kênh tiếp nhận và xử lý yêu cầu nhanh chóng và chủ động hơn. Đồng thời, Công ty tiếp tục đào tạo nguồn nhân lực, chuẩn hóa quy trình vận hành và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh trong giai đoạn trước mắt.

Cuối cùng, Công ty ưu tiên đẩy mạnh đầu tư công nghệ tiên tiến trong xử lý nước, tự động hóa vận hành, phát triển đồng hồ thông minh và hệ thống SCADA để quản lý mạng lưới theo thời gian thực. Ngoài ra, công ty định hướng mở rộng vai trò trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải đô thị, hướng đến mô hình quản lý nước đồng bộ và bền vững. Song song đó, CANTHOWASSCO tiếp tục xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy văn hóa đổi mới và phát triển dài hạn, đảm bảo khả năng duy trì ổn định hoạt động và nâng cao chất lượng phục vụ trong tương lai.

02

Về dài hạn, khi nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tại các khu dân cư tăng cao, thúc đẩy sự mở rộng của dịch vụ thoát nước để đáp ứng sự phát triển của xã hội. Trong bối cảnh trên, công ty sẽ khai thác tối đa lợi thế của mình nhằm tăng khả năng nhận diện của công ty cũng như gia tăng doanh thu và lợi nhuận. Ngoài ra, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ cũng hướng đến việc củng cố, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện đại, bền vững và đủ khả năng để ứng phó trước các tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Công ty cũng đặt trọng tâm vào bảo đảm an ninh nguồn nước thông qua đa dạng hóa nguồn nước thô, phát triển hệ thống dự phòng và tăng cường giám sát chất lượng nguồn nước.

Các mục tiêu phát triển **BỀN VỮNG**

Là một doanh nghiệp đặt sự an toàn của nguồn nước lên hàng đầu, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ cam kết phát triển bền vững, đảm bảo các hoạt động sản xuất và kinh doanh sẽ không gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội. Trong công tác quản lý tài nguyên nước, công ty đẩy mạnh đầu tư, áp dụng công nghệ hiện đại trong các khâu xử lý nước thải, đồng thời đưa ra các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong quá trình cung cấp và xử lý nước.

Bên cạnh việc bảo đảm nguồn cung nước sạch và tiết kiệm năng lượng, Công ty tích cực hỗ trợ cộng đồng, địa phương trong giai đoạn mưa lũ khi luôn có công nhân túc trực tại các điểm ngập, hỗ trợ khơi thông dòng nước để đảm bảo thoát nước tốt. Không những thế, Công ty góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng thông qua các chương trình khuyến khích, giáo dục sử dụng nước hiệu quả, tạo ra giá trị lâu dài cho cả doanh nghiệp lẫn cộng đồng.



CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, nền kinh tế thế giới dù tiếp tục tăng nhưng đang trong giai đoạn tăng trưởng thấp và gặp nhiều biến động, đặc biệt là trong căng thẳng địa chính trị tại Ukraine, Trung Đông và Đài Loan leo thang, kéo theo rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động giá năng lượng. Về nhóm các nền kinh tế lớn, Hoa Kỳ vẫn đang là điểm tựa tăng trưởng toàn cầu, nhưng đà mở rộng đã chậm lại do tác động trễ của lãi suất. Trong khi đó, Trung Quốc dù vẫn tăng trưởng nhưng cũng chịu áp lực từ đầu tư tư nhân suy giảm. Eurozone dù đang trong giai đoạn tăng trưởng rất chậm nhưng vẫn khả quan hơn các dự báo về sự suy thoái trước đó. Về phía thị trường tài chính, năm 2025 vẫn đón nhận những biến động mạnh khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã chuyển sang giai đoạn nới lỏng thận trọng. Trước những biến động trên, GDP Việt Nam tăng trưởng 8,02%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025, riêng quý IV tăng 8,64% so với cùng kỳ năm

2024. Đóng góp cho tăng trưởng năm nay, dịch vụ chiếm hơn 42%. Theo sau là công nghiệp và xây dựng với hơn 37%. Ngoài ra, mức lạm phát, thể hiện qua chỉ số CPI, cũng được kiểm soát ở mức an toàn ở mức 3,48%.

Với Thành phố Cần Thơ, mức tăng trưởng GRDP chỉ đạt 7,23%, thấp hơn mục tiêu đề ra, nhưng Thành phố nhận định đây vẫn là nỗ lực lớn trong bối cảnh vừa sắp xếp địa giới hành chính và còn nhiều hạn chế nội tại, đặc biệt là vướng mắc về thủ tục đất đai, sản xuất công nghiệp và sự phục hồi chưa mạnh của dịch vụ.

Dù không chịu tác động quá lớn từ những biến động vĩ mô do hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ thiết yếu, Ban Lãnh đạo CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ vẫn luôn dõi theo từng chuyển động của nền kinh tế, từ đó đưa ra những đánh giá về cái rủi ro tiềm tàng cũng như nhận định về sự phát triển bền vững của công ty.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực khai thác và phân phối nước sạch, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ phải luôn tuân thủ theo quy định của nhiều bộ Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật lao động, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường,... đều là những bộ luật được sửa đổi thường xuyên để phù hợp với hoàn cảnh và nền kinh tế nước nhà.

Năm 2025, các văn bản quy phạm pháp luật mới trong lĩnh vực tài nguyên nước và bảo vệ môi trường tiếp tục được triển khai, trong đó Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) Số 28/2023/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 đặt ra yêu cầu cao hơn về quản lý khai thác, bảo vệ nguồn nước, đánh giá trữ lượng, phòng chống suy thoái và ô nhiễm. Các quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, quy chuẩn nước sạch, quy chuẩn nước thải sinh hoạt, cùng hướng dẫn thực hiện phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt – công nghiệp cũng được rà soát và ban hành trong năm. Những thay đổi này ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí tuân thủ,

công tác lập kế hoạch sản xuất – đầu tư và quản trị rủi ro nguồn nước của công ty.

Bên cạnh đó, chính quyền địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản về giá nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải nhằm phù hợp với lộ trình thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Việc điều chỉnh giá, định mức kinh tế kỹ thuật và tiêu chuẩn dịch vụ có thể tác động đáng kể đến doanh thu, chi phí và khả năng triển khai các dự án mở rộng, nâng cấp hạ tầng.

Để luôn hiểu rõ và tuân theo quy định của luật pháp, công ty luôn phân công nhân sự theo dõi, cập nhật những thay đổi, bổ sung trong hệ thống pháp luật liên quan, giúp công ty có thể vận hành trơn tru, giảm thiểu tối đa khả năng vi phạm các quy định của luật pháp. Đồng thời, công ty cũng duy trì phối hợp chặt chẽ với các sở, ban ngành để bảo đảm việc tuân thủ pháp luật được thực hiện thống nhất, kịp thời và hiệu quả, hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh.

Các rủi ro



RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC

Là một công ty hoạt động trong ngành nước, công ty hiểu được rằng, rủi ro về thất thoát nước vẫn luôn là rủi ro đặc thù, khó tránh khỏi do tình trạng của hệ thống ống ngầm vận hành trong thời gian dài. Tình trạng rò rỉ, vỡ ống có thể phát sinh từ sự xuống cấp của vật liệu ống, biến dạng do áp lực nước, tác động của lưu lượng giao thông, hoặc ảnh hưởng từ các công trình dân cư - hạ tầng thi công gần tuyến ống. Ngoài ra, thất thoát còn có thể xuất hiện từ việc sử dụng nước không qua đồng hồ đo hoặc các điểm đấu nối trái phép. Việc phát hiện và xử lý sự cố gặp nhiều khó khăn do phần lớn mạng lưới ống được bố trí dưới lòng đường, vỉa hè hoặc khu vực có mật độ xây dựng cao, khiến chi phí sửa chữa và khôi phục mặt bằng gia tăng đáng kể.

Nhận thức được việc rủi ro thất thoát nước là không thể tránh khỏi, Đội ngũ Công ty liên tục cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới cấp nước theo nhu cầu thực tế của người dân và định hướng phát triển đô thị. Công tác quản lý áp lực, giám sát vận hành và định vị rò rỉ được tăng cường thông qua ứng dụng công nghệ, kết hợp với bảo trì - bảo dưỡng thiết bị theo kế hoạch nhằm duy trì hệ thống hoạt động ổn định. Ban Lãnh đạo công ty thường xuyên theo dõi tình hình thất thoát nước, chỉ đạo xử lý kịp thời các sự cố, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương và các đơn vị thi công để hạn chế tối đa tác động lên hạ tầng cấp nước. Những biện pháp này giúp Công ty kiểm soát tốt hơn tỷ lệ thất thoát, bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục và góp phần xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp cho cộng đồng.



RỦI RO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NƯỚC

Năm 2025, chất lượng nguồn nước thô tiếp tục là một trong những rủi ro trọng yếu đối với hoạt động sản xuất nước sạch của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ. Nguồn nước từ Đồng bằng Sông Cửu Long chịu tác động ngày càng rõ của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sụt giảm dòng chảy mùa khô và gia tăng ô nhiễm hữu cơ - vi sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt. Các yếu tố này có thể làm suy giảm chất lượng nước đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí xử lý, ổn định hệ thống vận hành và khả năng đáp ứng quy chuẩn nước sạch theo quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) có hiệu lực từ năm 2025 siết chặt yêu cầu về giám sát, đánh giá và bảo vệ nguồn nước; đồng thời yêu cầu đơn vị khai thác phải tăng cường kiểm

soát tác động môi trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh nguồn nước. Điều này góp phần nâng cao mức độ an toàn cấp nước, nhưng đồng thời cũng đặt ra áp lực lớn hơn đối với công tác quản lý nguồn nước thô của công ty. Để giảm thiểu rủi ro, công ty duy trì thẩm định chất lượng nguồn nước thô định kỳ, tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc kiểm soát nguồn thải tại lưu vực sông. Công ty cũng chủ động điều chỉnh quy trình xử lý, dự trữ hóa chất, nâng cấp thiết bị và áp dụng các giải pháp công nghệ khi chất lượng nguồn nước biến động. Ban Lãnh đạo luôn theo dõi sát diễn biến môi trường, nhất là trong giai đoạn cao điểm xâm nhập mặn và mùa khô, nhằm bảo đảm chất lượng nước cung cấp cho khách hàng ổn định, an toàn và phù hợp.



Các rủi ro



RỦI RO KHUNG GIÁ ĐẦU RA

Nước sạch sinh hoạt là mặt hàng thiết yếu có giá bán do Nhà nước quy định, cụ thể được Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt. Trong khi đó, chi phí sản xuất nước tại Công ty ngày càng tăng nhưng việc điều chỉnh giá bán không kịp thời, gây áp lực tài chính lớn. Quy trình điều chỉnh giá yêu cầu lập hồ sơ và trình duyệt qua nhiều cấp, khiến cơ chế định giá thiếu linh hoạt. Năm 2024, UBND thành phố Cần Thơ ban hành Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 điều chỉnh giá nước sạch sinh hoạt tại đô thị và nông thôn. Dù giá bán đã được điều chỉnh năm 2024 nhưng giá nước sinh hoạt của Cần Thơ trong năm 2025 vẫn giữ nguyên so với năm 2024, chưa được đánh giá lại trong khi các chi phí đầu vào như hóa chất xử lý, điện năng, nhân công và chi phí duy tu – cải tạo mạng lưới không ngừng

tăng,... tiếp tục tạo áp lực cho hoạt động tài chính của Công ty trong bối cảnh sản xuất – kinh doanh cần nguồn lực lớn để đầu tư hạ tầng.

Ngoài ra, để đáp ứng tiêu chuẩn mới về chất lượng nước và an toàn cấp nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước, việc đầu tư nâng cấp, mở rộng công suất các nhà máy kết hợp hiện đại hóa hệ thống là cần thiết.

Cơ chế điều chỉnh giá nước vẫn phải thực hiện theo quy trình thẩm định nhiều cấp, dẫn đến độ trễ giữa thời điểm phát sinh chi phí và thời điểm được phép điều chỉnh giá bán. Điều này làm giảm tính linh hoạt của công ty trong việc phản ánh đúng chi phí thực tế vào giá thành. Bên cạnh đó, các yếu tố rủi ro khác như biến động chất lượng nguồn nước và nhu cầu vốn cho các dự án mở rộng cũng có thể tiếp tục

ảnh hưởng đến khả năng duy trì lợi nhuận ổn định của công ty.

Để chủ động ứng phó với các thách thức từ cơ chế giá của Nhà nước, Công ty tập trung rà soát chi phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại. Các giải pháp cải tiến trong xử lý nước sạch không chỉ giúp nâng cao hiệu suất, tiết kiệm năng lượng mà còn giảm thiểu tối đa tỷ lệ thất thoát nước và chi phí vận hành.



RỦI RO KHÁC

Ngoài những rủi ro về mặt vĩ mô hay đặc thù ngành, công ty còn phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng đến từ thiên tai, dịch bệnh, sự thay đổi khí hậu, sự cố cháy nổ,... Đây là những sự kiện hi hữu, dù không xảy ra thường xuyên nhưng luôn để lại hậu quả lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động của công ty.

Để giảm thiểu tác động của các rủi ro trên, công ty duy trì thực hiện nghiêm các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố, đồng thời tổ chức kiểm tra thiết bị, công trình và hệ thống điện – cơ định kỳ nhằm bảo đảm mức độ

Việc thực hiện đồng bộ các chiến lược này giúp Công ty:

- Kiểm soát rủi ro: Giảm áp lực từ khung giá bán và duy trì mức lợi nhuận kỳ vọng.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh: Hạ thấp giá thành sản xuất và tối ưu hóa nguồn lực.
- Phát triển bền vững: Tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng ổn định trong những năm tiếp theo.

sẵn sàng cao khi có tình huống bất thường. Công ty cũng thường xuyên cập nhật thông tin khí tượng – thủy văn, xây dựng phương án dự phòng cho từng kịch bản rủi ro, nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất không bị gián đoạn. Ngoài ra, công ty tham gia đầy đủ các loại hình bảo hiểm cần thiết để bảo vệ tài sản, người lao động và quyền lợi của Công ty cũng như cổ đông và đối tác.

Nhờ sự chuẩn bị chủ động và có hệ thống, công ty nâng cao khả năng ứng phó với các rủi ro bất khả kháng, bảo đảm hoạt động cấp nước được duy trì ổn định, an toàn và liên tục trong mọi điều kiện.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ Chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

A decorative graphic on the right side of the page. It features a large, bold white number '2' centered within a blue circle. This circle is part of a series of concentric circles in various shades of blue and white. Some of these circles have small square or circular markers at different points. The background of the entire page is a blue sky with clouds and a blue ocean with waves. The graphic elements are overlaid on the right half of the page.

2

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (BCTC hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng			
Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng giảm
Doanh thu thuần	495.575,54	458.422,64	-7,50%
Lợi nhuận trước thuế	131.616,98	111.760,26	-15,09%
Lợi nhuận sau thuế	103.347,38	88.682,82	-14,19%

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ghi nhận sự suy giảm so với mức nền cao của năm 2024 khi cả doanh thu và lợi nhuận đều giảm. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 458.422,64 triệu đồng, giảm 7,50% so với năm trước, chủ yếu do doanh thu từ hoạt động cốt lõi là tiêu thụ nước và dịch vụ thoát nước suy giảm. Bên cạnh đó, mảng lắp đặt và xây dựng cũng đóng góp thấp hơn, làm giảm tổng nguồn thu của Công ty.

Về chi phí, dù giá vốn hàng bán có xu hướng giảm theo doanh thu, một số khoản mục lại gia tăng đáng kể, đặc biệt là chi phí tài chính tăng mạnh do áp lực lãi vay, cùng với chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên. Những yếu tố này đã làm thu hẹp biên lợi nhuận của Công ty trong kỳ.

Kết quả, lợi nhuận trước thuế đạt 111.760,26 triệu đồng, giảm 15,09%, và lợi nhuận sau thuế đạt 88.683,82 triệu đồng, giảm 14,19% so với năm 2024. Nhìn chung, kết quả năm 2025 phản ánh giai đoạn điều chỉnh sau năm tăng trưởng đột biến trước đó, đồng thời cho thấy Công ty đang chịu áp lực từ cả phía doanh thu và chi phí. Tuy vậy, hoạt động kinh doanh vẫn duy trì ở mức ổn định, tạo nền tảng để doanh nghiệp từng bước cải thiện hiệu quả và hướng tới tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch (BCTC riêng)

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện		So sánh (%)	
				2025	2024	KH 2025	2024
1	Sản lượng nước sạch	Triệu m³	27,55	26,93	26,84	97,75%	100,34%
2	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	338.224	326.242	356.198	96,46%	91,59%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	53.797	55.104	63.031	102,43%	87,42%
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	< 13	11,5	14	-1,50%	-2,50%
5	Số hộ đấu nối mới	Hộ	2.400	2.753	2.796	114,71%	98,46%
6	Số lượng khách hàng	Hộ	80.375	80.873	78.375	100,62%	103,19%

(*) *Doanh thu = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính + Thu nhập khác*

Nhìn chung, năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ vẫn duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, dù một số chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch đề ra. Doanh thu đạt 326.242 triệu đồng, tương đương 96,46% kế hoạch, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 55.104 triệu đồng, vượt 2,43% kế hoạch, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo hiệu quả sinh lời trong bối cảnh doanh thu chịu áp lực.

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu vận hành kỹ thuật và phát triển thị trường tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan. Tỷ lệ thất thoát nước được kiểm soát ở mức 11,5%, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu đề ra, cho thấy hiệu quả trong công tác quản lý hệ thống. Số hộ đấu nối mới đạt 2.753 hộ, vượt xa kế hoạch, góp phần nâng tổng số khách hàng lên 80.873 hộ, qua đó tiếp tục mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ.

Doanh thu và sản lượng nước sạch chỉ lần lượt đạt 96,46% và 97,75% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu đến từ yếu tố khách quan như mùa mưa đến sớm, nhu cầu sử dụng nước giảm do sáp nhập các đơn vị hành chính, cũng như tác động của việc điều chỉnh giá nước trong năm trước khiến khách hàng có xu hướng tiết kiệm hơn. Bên cạnh đó, doanh thu và lợi nhuận giảm do Quý I/2024 ghi nhận một khoản doanh thu lũy kế (35 tỷ đồng) từ hoạt động vận hành Nhà máy Xử lý Nước thải của các năm 2021 đến 2023, trong khi doanh thu tương ứng của năm 2024 và 2025 chưa được thanh toán và ghi nhận. Tuy vậy, việc duy trì tăng trưởng lợi nhuận, giảm mạnh tỷ lệ thất thoát và đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản cho thấy Công ty đã điều hành linh hoạt, nâng cao hiệu quả hoạt động và củng cố nền tảng cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.



Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Thành viên HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu + Ủy quyền	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	10.085.100	36,02%
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	4.211.600	15,04%
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	200	0,0007%
5	Ông Trần Thế Hưng	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-



Lý lịch Thành viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN HỮU LỘC

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, Cử nhân QTKD

Quê quán: Kiên Giang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Thốt Nốt
- Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: 10.085.100, chiếm 36,02% vốn điều lệ

- Đại diện vốn của UBND TP. Cần Thơ: 10.080.000 cổ phiếu, chiếm 36,00% VĐL
- Cá nhân sở hữu: 5.100 cổ phiếu, chiếm 0,02% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG NGUYỄN TÙNG NGUYÊN

Thành viên HĐQT - TGD

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật

Quê quán: Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: 4.211.600 cổ phần, chiếm 15,04% vốn điều lệ

- Đại diện vốn của UBND TP. Cần Thơ: 4.200.000 cổ phiếu, chiếm 15,00% VĐL
- Cá nhân sở hữu: 11.600 cổ phiếu, chiếm 0,04% VĐL

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Tổ chức và nhân sự

ÔNG NGUYỄN VĂN THIỀN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường,
Kỹ sư Thủy lợi, Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Hành chính

Quê quán: Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Gia Tân
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Đồng Nai
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Ông Nguyễn Văn Thiển là Chủ tịch HĐQT CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	6.900.000	24,64%

ÔNG TRỊNH HỮU PHÚC

Thành viên HĐQT – Phó TGĐ

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Cơ điện tử, Thạc sĩ QTKD

Quê quán: Lâm Đồng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 200 cổ phần, chiếm 0,0007% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG TRẦN THẾ HƯNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Cử nhân kinh tế.

Quê quán: Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Thành viên HĐQT CTCP Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường
- Thành viên HĐQT CTCP Thương mại Đầu tư Thiết kế Xây dựng Phú Hòa
- Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thủ Dầu Một
- Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ Cấp nước Gia Tân – Cẩm Mỹ

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Ông Trần Thế Hưng là Tổng Giám đốc CTCP Nước Thủ Dầu Một	6.429.900	22,96%



Tổ chức và nhân sự



b) Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng BKS	5.300	0,019%
2	Bà Ngô Hồng Hạnh	Thành viên BKS	1.300	0,005%
3	Ông Mai Song Hào	Thành viên BKS	-	0,00%

Lý lịch Thành viên BKS

BÀ LÂM NGUYỆT THANH

Trưởng BKS

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Quê quán: Cần Thơ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 5.300 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Giang Thanh	Chồng	1.600	0,006%

BÀ NGÔ HỒNG HẠNH

Thành viên BKS

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quê quán: Cần Thơ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn

Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 1.300 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

ÔNG MAI SONG HÀO

Thành viên BKS

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ – Môi trường, Kỹ sư Cấp thoát nước

Quê quán: Bình Dương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Nước Biwase Bình Phước
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Quảng Bình
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Gia Tân
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp thoát nước Long An
- Phó Chủ tịch HĐQT – TGD CTCP Nước Biwase Cần Thơ
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Cần Thơ 2
- Phó Tổng Giám đốc CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương

Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	Ông Mai Song Hào là Phó Tổng Giám đốc CTCP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương	6.900.000	24,64%

Tổ chức và nhân sự

C) Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu + Ủy quyền	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	4.211.600	15,04%
2	Ông Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc	6.900	0,025%
3	Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	1.300	0,005%
4	Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	200	0,0007%
5	Ông Diệp Tôn Kiên	Kế toán trưởng	-	0,00%

Lý lịch Thành viên Ban điều hành

ÔNG NGUYỄN TÙNG NGUYÊN

Thành viên HĐQT - TGD

(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty)



ÔNG HUỲNH THIỆN ĐÌNH

Phó TGD

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm

Quê quán: Sóc Trăng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Thốt Nốt

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 6.900 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ

ÔNG TRỊNH HỮU PHÚC

Thành viên HĐQT - Phó TGD

(Xem thông tin ở mục sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị Công ty)

Tổ chức và nhân sự

ÔNG NGUYỄN MINH PHƯƠNG

Phó TGD

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Quê quán: Cần Thơ
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn
Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 1.300 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	Nguyễn Minh Hoàng	Em	800	0,003%
2	Trần Nguyễn Thị Kim Thoa	Em dâu	2.900	0,01%

ÔNG DIỆP TÔN KIÊN

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
Quê quán: Hồng Dân – Bạc Liêu
Số cổ phần nắm giữ hiện nay: Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



d) Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2025

Trong năm 2025, Công ty thực hiện bổ nhiệm lại các vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng cho nhiệm kỳ 2025 – 2030

STT	Thành viên	Chức vụ bổ nhiệm	Ngày bổ nhiệm lại
1	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc	29/4/2025
2	Ông Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc	29/4/2025
3	Ông Diệp Tôn Kiên	Kế toán trưởng	01/7/2025

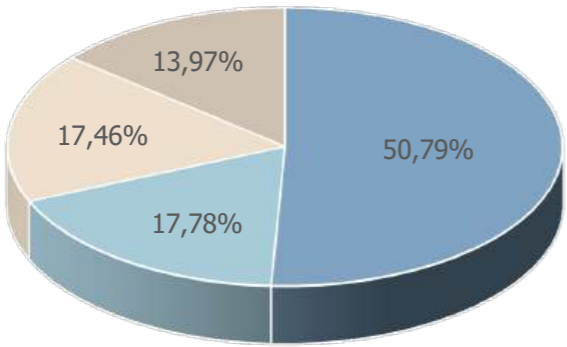


Số lượng cán bộ nhân viên

Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2025

STT	Tiêu chí	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	311	100,00	315	100,00
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	156	50,16	160	50,79
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	56	18,01	56	17,78
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	55	17,68	55	17,46
4	Trình độ lao động phổ thông	44	14,15	44	13,97
II	Theo giới tính	311	100,00	315	100,00
1	Nam	258	82,96	259	82,22
2	Nữ	53	17,04	56	17,78
Tổng cộng		311	100,00	315	100,00

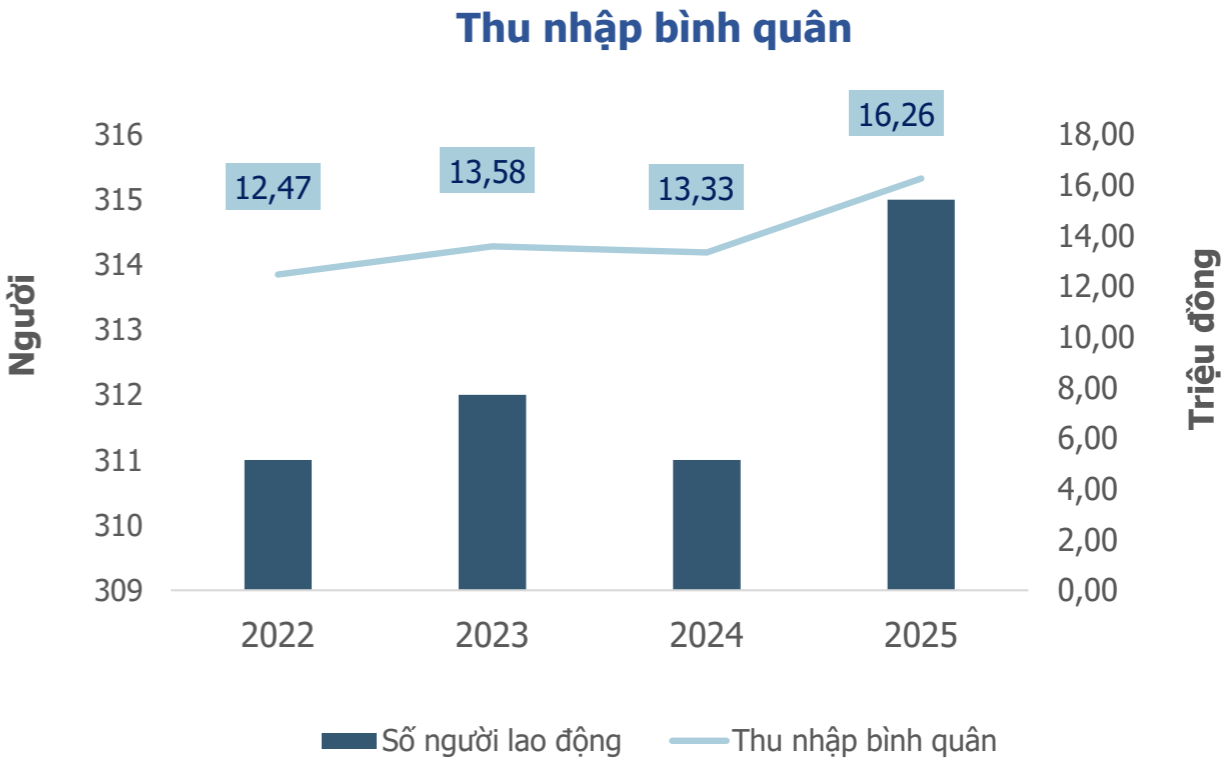
Cơ cấu nhân sự theo trình độ lao động



- Trình độ Đại học và trên Đại học
- Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp và công nhân kỹ thuật
- Trình độ lao động phổ thông

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	311	312	311	315
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.470.000	13.575.443	13.334.298	16.257.338





Chính sách nhân sự



Đào tạo

CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ luôn xem việc đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực là cần thiết cho sự phát triển bền vững của Công ty. Công ty ngày một phát triển và mở rộng, cộng thêm việc ứng dụng công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào quy trình, đòi hỏi nhân sự phải luôn trang bị kiến thức đầy đủ. Chính vì thế, Công ty luôn có chương trình đào tạo nhân viên sau khi được tuyển dụng. Các buổi đào tạo không chỉ giúp bổ sung kiến thức cần có trong công việc mà còn giúp nhân viên hiểu thêm về văn hóa làm việc Công ty.

Không chỉ nhân sự mới, Công ty cũng thường xuyên thiết kế những khóa học dành riêng cho từng nhóm chức danh, đảm bảo mỗi cán bộ, công nhân viên đều được trang bị kiến thức phù hợp với nhiệm vụ của mình.

Bên cạnh đào tạo tại chỗ và đào tạo tập trung theo kế hoạch hàng năm, Công ty đặc biệt khuyến

khích nhân sự tham gia các hội thảo kỹ thuật, các chương trình chia sẻ kinh nghiệm giữa những đơn vị cấp nước trong khu vực miền Tây và trên cả nước. Đây là cơ hội để đội ngũ tiếp cận xu hướng quản lý hiện đại, kinh nghiệm vận hành tiên tiến và các giải pháp tối ưu hóa sản xuất - kinh doanh. Công ty cũng tạo điều kiện để nhân viên tham dự các khóa huấn luyện chuyên sâu do các tổ chức đào tạo nghề và hiệp hội ngành nước tổ chức, giúp người lao động chủ động nâng cao kỹ năng và theo kịp sự đổi mới của công nghệ ngành cấp thoát nước.

Nhờ hệ thống đào tạo được triển khai bài bản, nhân sự Công ty ngày càng chuyên nghiệp, vững chuyên môn và có tư duy cải tiến liên tục. Đây chính là nền tảng quan trọng giúp công ty duy trì chất lượng dịch vụ, mở rộng quy mô hoạt động và phát triển bền vững trong tương lai.



Tuyển dụng

Nhận thức rõ vai trò then chốt của công tác nhân sự trong việc đảm bảo hiệu quả vận hành và nâng cao năng lực hệ thống cấp thoát nước, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ đã xây dựng một chính sách tuyển dụng minh bạch, lấy nguyên tắc đánh giá năng lực thực tế, chuyên môn sâu và sự phù hợp văn hóa doanh nghiệp làm trọng tâm. Công ty chú trọng quy hoạch nguồn nhân lực chất lượng cao cho các vị trí trọng yếu, đặc biệt tập trung ở các chuyên ngành đòi hỏi kỹ thuật như quản lý, vận hành và phát triển hệ thống cấp - thoát nước. Công ty ưu tiên tuyển chọn những ứng viên có trình độ chuyên môn, đi kèm với các kỹ năng mềm quan trọng như tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề linh hoạt, và kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả. Bên cạnh đó, Công ty cam kết tạo dựng một lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, thông qua việc triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng kỹ năng và tạo điều kiện tiếp cận công nghệ mới, nhằm giúp đội ngũ nhân sự không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn và thích ứng nhanh với những yêu cầu thay đổi của ngành.



Môi trường làm việc

Ban lãnh đạo CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ luôn tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, công bằng và chuyên nghiệp. Tại đây, đội ngũ nhân viên có thể thoải mái sáng tạo, làm việc, từ đó nâng cao năng suất, đóng góp vào sự phát triển và đồng hành cùng Công ty trên chặng đường dài.

Bên cạnh đó, sức khỏe nhân sự cũng được Công ty đặc biệt quan tâm khi luôn thực hiện đầy đủ các chính sách bảo hiểm theo quy định. Ngoài ra, công ty còn tổ chức các buổi khám định kỳ cho nhân sự, chủ động hỗ trợ nhân sự về mặt tài chính cũng như tinh thần trong trường hợp ốm đau, hoàn cảnh khó khăn hoặc nghỉ thai sản. Việc quan tâm đến sức khỏe của nhân sự chính là một phần trách nhiệm của Công ty. Bảo vệ và chăm lo toàn diện cho người lao động cũng là một phần đóng góp vào sự phát triển lâu dài của Công ty.

Những hoạt động giao lưu nội bộ như tham quan – du lịch hay các hoạt động thể thao cũng được Công ty tổ chức thường xuyên, nhằm tạo ra sân chơi sau những giờ làm việc căng thẳng cũng như tăng tính gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty. Năm 2025, Công ty đã tổ chức các sự kiện như Về nguồn cho đảng viên, du lịch Phú Yên – Quy Nhơn,... Về thể thao, các hoạt động nổi bật gồm có Giải PickleBall Cấp nước Mekong mở rộng 2025, tham dự hội thao Sawaco bộ môn bóng đá, tổ chức giao lưu bóng chuyền hơi cho nhân viên Công ty,... Các hoạt động văn nghệ, du lịch hay thể thao được tổ chức với mục đích tạo ra môi trường làm việc thân thiện, tăng tính gắn kết giữa các phòng ban với nhau, từ đó giúp quá trình giao tiếp khi làm việc giữa các bộ phận diễn ra dễ dàng hơn.



Lương, thưởng và phúc lợi

Để thu hút nhân sự mới cũng như ghi nhận những đóng góp của dân nhân sự chính thức, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ luôn chú trọng việc xây dựng chế độ lương thưởng và phúc lợi hấp dẫn.

Về lương, Công ty cam kết chi trả đúng hạn tiền lương cho toàn bộ người lao động, đảm bảo không xảy ra hiện tượng nợ lương hoặc xảy ra sai sót. Chính sách tiền lương của công ty được thiết kế phù hợp với từng chức vụ, chức năng công việc của từng vị trí trong công ty. Bậc lương được áp dụng gắn với hiệu suất làm việc, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của từng người lao động. Bên cạnh chế độ lương thưởng minh bạch, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...

Về thưởng, Công ty có chính sách thưởng rộng rãi, minh bạch và gắn liền với chất lượng công việc. Chế độ thưởng của Công ty gồm các kỳ thưởng Tết,

thưởng tháng 13,... Ngoài ra, các cá nhân có thành tích nổi bật hoặc đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được xét khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất. Việc đưa ra chính sách thưởng dựa trên hiệu suất làm việc chính là nguồn động viên thiết thực để người lao động tiếp tục gắn bó với công ty, làm việc hiệu quả, mang lại lợi nhuận thực cho công ty.

Về phúc lợi và đãi ngộ, Ban lãnh đạo CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ luôn quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của từng cá nhân người lao động. Các hoạt động như thăm ốm, hỗ trợ hoàn cảnh khó khăn, hay tặng quà vào các dịp lễ đặc biệt. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng đầu tư vào sự phát triển lâu dài của nhân sự thông qua việc cung cấp lộ trình nghề nghiệp rõ ràng và các chương trình đào tạo chuyên sâu về kỹ năng, công nghệ mới.



Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

01

CTCP Cấp nước Thốt Nốt (Công ty con)

Địa chỉ: 392, Quốc lộ 91, Long Thạnh A, Phường Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

CTCP Cấp nước Thốt Nốt quản lý **01 Nhà máy nước và 02 trạm cấp nước với tổng công suất thiết kế 16.200 m³/ngày đêm**. Trong đó:

- Nhà máy nước Thốt Nốt có công suất 12.500 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Thạnh An có công suất 1.200 m³/ngày đêm
- Trạm cấp nước Vĩnh Thạnh có công suất 2.500 m³/ngày đêm.

Công ty có trách nhiệm cấp nước tại:

Khu vực đô thị quận Thốt Nốt.

Khu vực đô thị Thạnh An và thị trấn Vĩnh Thạnh.



02

CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn (Công ty con)

Địa chỉ: Lô 12A, KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.

CTCP Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn quản lý **03 nhà máy nước, 01 trạm cấp nước với tổng công suất thiết kế 30.000 m³/ngày đêm**. Trong đó:

- Nhà máy nước Ô Môn có công suất 2.500 m³/ngày đêm.
- Nhà máy nước Trà Nóc có công suất 20.000 m³/ngày đêm.
- Nhà máy nước Cờ Đỏ có công suất 5.000 m³/ngày đêm.
- Trạm cấp nước Thới Lai có công suất 2.500 m³/ngày đêm.

Công ty trực tiếp quản lý địa bàn cấp nước sạch tại:

KCN Trà Nóc 1 và 2, Phường Trà Nóc, Phường Thới An Đông – Q. Bình Thủy.

P.Châu Văn Liêm, một phần các P.Thới Hòa, P.Phước Thới, P.Long Hưng, P.Thới Long – Q. Ô Môn

Thị trấn Thới Lai, Một phần các xã Định Môn, Thới Thạnh, Tân Thạnh, Đông Bình, Xuân Thắng – Huyện Thới Lai

Thị trấn Cờ Đỏ, một phần các xã Thạnh Phú, Thới Xuân – Huyện Cờ Đỏ.



TRANOC-OMONWACO

03

CTCP Nhựa Tân Tiến Cần Thơ (Công ty liên kết)

Địa chỉ: Khu dân cư số 5, đường 30/4, Phường Ninh Kiều, TP Cần Thơ, Việt Nam.

(Hiện công ty đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế)

Tình hình thực hiện dự án

Tổng kinh phí đầu tư năm 2025 là 122,88 tỷ đồng. Đến 31/12/2025 đã thanh toán 116,35 tỷ đồng, chủ yếu triển khai các công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ nhu cầu sử dụng nước theo kiến nghị của người dân, địa phương và chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố như: (1) Cải tạo cụm 2.500 m³/ngày-đêm NMN Bông Vang; (2) Cải tạo MLCN phường Ninh Kiều, hạng mục: Lắp đặt tuyến ống D.225, D.180, D.110 HDPE của 32 tuyến đường thuộc phường Ninh Kiều, TPCT, cúp ống cũ - Thực hiện CSĐH; (3) Tuyến ống chuyển tải D.315 HDPE, Quốc Lộ 61C (đoạn từ đường nối cầu Vàm Xáng đến cầu Ba Láng), phường Cái Răng và xã Phong Điền; (4) Tuyến ống chuyển tải D.400 HDPE - Giai đoạn 1, Đường Võ Nguyên Giáp (từ đường Vũ Đình Liệu đến cầu Cái Sâu); Giai đoạn 2, Đường Võ Nguyên Giáp (từ cầu Cái Sâu đến ranh cao tốc Bắc Nam), phường Hưng Phú; (5) Tuyến ống cấp nước D.180, D.110 HDPE, đường nối cầu Vàm Xáng đến QL 61C, xã Nhơn Ái; (6) Tuyến ống chuyển tải D.400 HDPE, Quốc

lộ 1A (từ đường 30/4 đến Bến xe trung tâm TPCT - QL1A), phường Hưng Phú; (7) Tuyến ống chuyển tải D400 HDPE - IC3 - GĐ1, Quốc lộ 1A (từ cầu Cái Tắc IC3 đường Võ Nguyên Giáp - cặp nút giao IC3 đến đường Trần Hoàng Na), phường Cái Răng; (8) Lắp đặt ống cấp nước D.180, D.110 HDPE, đường bờ kè Xóm Chài (từ đường dân sinh cầu Quang Trung đến miếu Bà), p.Hưng Phú, cúp ống cũ - Thực hiện CSĐH; (9) Cải tạo MLCN Khu Tái định cư Thới Nhứt 1 hạng mục: Lắp đặt tuyến ống cấp nước D225, D180, D110 HDPE, Khu TĐC Thới Nhứt, phường Tân An; (10) Hệ thống thu hồi và xử lý, tái sử dụng nước rửa lã, lọc NMN Cần Thơ 1; (11) Tuyến ống nước thô D800 NMN Cần Thơ 1; (12) Thiết bị và phần mềm cho Trung tâm Giám sát và Ứng dụng công nghệ - Chuyển đổi số; (13) Các công trình chuyển tiếp năm 2024 nhằm cải tạo và mở rộng MLCN các phường: Ninh Kiều, Tân An, An Bình, Hưng Phú, Cái Răng, xã Phong Điền và xã Nhơn Ái.



Bảng tổng hợp các công trình - hạng mục thực hiện trong năm 2025 như sau

Đơn vị tính: đồng				
STT	Tên công trình – hạng mục	Tổng dự toán	Giá trị thanh toán	Dự kiến thanh toán chuyển sang năm sau
I	Công trình chuyển tiếp năm trước	23.017.302.856	19.407.571.431	2.070.254.139
II	Công trình triển khai đầu tư trong năm	99.859.805.650	96.937.857.882	23.320.940.710
1	MR ML CN các xã Phong Điền, Nhơn Ái, Trường Long	8.000.000.000	7.745.326.493	2.131.546.704
2	MR, cải tạo MLCN các phường Hưng Phú, Cái Răng	16.000.000.000	13.266.319.545	1.952.315.614
3	MR, cải tạo MLCN các phường Ninh Kiều, Tân An, An Bình	19.000.000.000	20.143.147.162	16.207.925.903
4	Ống chuyển tải lắp đặt mới	32.500.000.000	35.344.368.919	302.464.987
5	Cải tạo, sửa chữa văn phòng làm việc; nhà máy nước	627.115.152	560.002.469	-
6	Các công trình xây dựng cơ bản	11.367.937.062	8.641.249.560	2.726.687.502
7	Các công trình khác	11.864.753.436	11.237.443.734	-
8	Dự phòng	500.000.000	-	-
Tổng cộng		122.877.108.506	116.345.429.313	25.391.194.849



Tình hình tài chính

Tổng quan tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	810.865	947.636	116,87%
2	Doanh thu thuần	495.576	458.423	92,50%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	136.221	112.187	82,36%
4	Lợi nhuận khác	-4.604	-426	-
5	Lợi nhuận trước thuế	131.617	111.760	84,91%
6	Lợi nhuận sau thuế	103.347	88.683	85,81%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (trên vốn điều lệ)	14%	12%(*)	-

(*) Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2025 và sẽ trình phương án này tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2026 sắp tới.

Nhìn chung, năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ghi nhận sự gia tăng về quy mô tài sản nhưng hiệu quả kinh doanh có xu hướng giảm. Tổng giá trị tài sản đạt 947.636 triệu đồng, tăng 16,87% so với mức 810.865 triệu đồng của năm 2024, cho thấy Công ty tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động. Tuy nhiên, doanh thu thuần chỉ đạt 458.423 triệu đồng, tương đương 92,50% so với năm trước, phản ánh sự sụt giảm trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 112.187 triệu đồng, tương đương 82,36% so với năm 2024. Kết quả, lợi nhuận trước thuế đạt 111.760 triệu đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 88.682 triệu đồng, đều giảm so với năm 2024, cho thấy khả năng sinh lời của Công ty bị thu hẹp so với năm trước.

Tổng thể, năm 2025 phản ánh xu hướng tăng trưởng về quy mô tài sản nhưng chịu áp lực suy giảm về hiệu quả kinh doanh. Dù vậy, việc duy trì lợi nhuận ở mức tương đối cao và cải thiện khoản lợi nhuận khác cho thấy Công ty vẫn kiểm soát được hoạt động tài chính, tạo nền tảng để ổn định và nâng cao hiệu quả trong các giai đoạn tiếp theo.

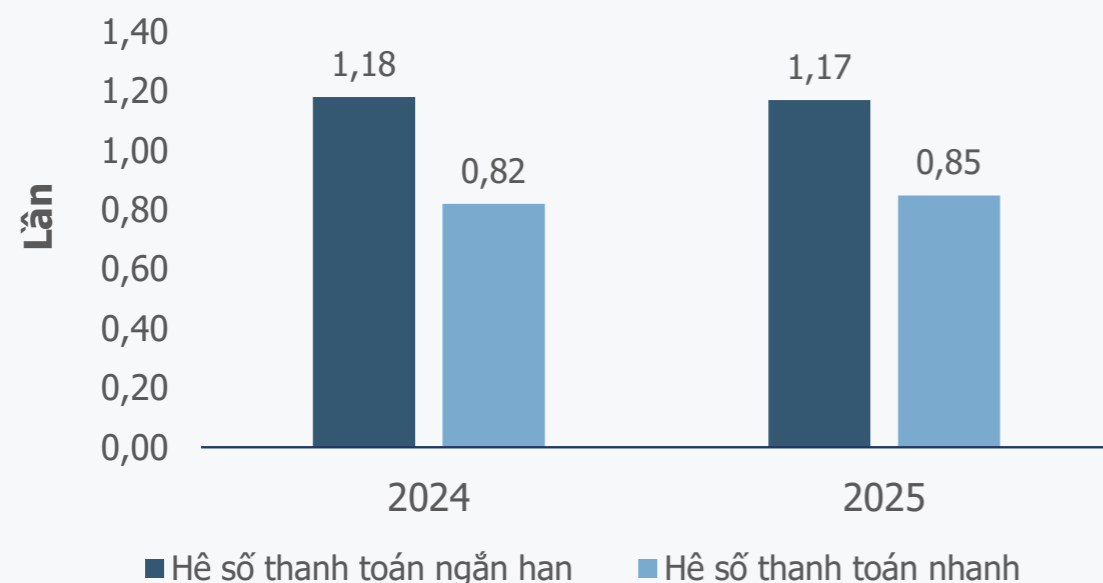
Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,18	1,17
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,82	0,85
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,84	36,41
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	42,53	57,26
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	4,16	4,17
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,65	0,52
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	20,85	19,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,47	15,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,47	10,09
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	27,49	24,47

Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính

Khả năng thanh toán



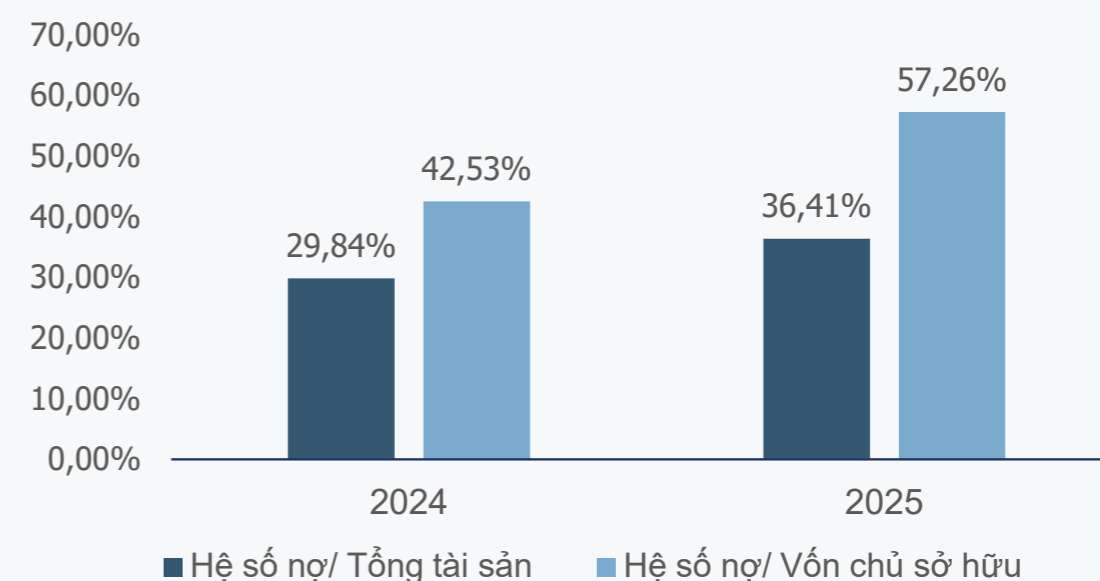
Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục duy trì khả năng thanh toán ở mức ổn định. Hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,17 lần, giảm nhẹ so với mức 1,18 lần đầu năm nhưng vẫn đảm bảo đủ tài sản ngắn hạn để trang trải các nghĩa vụ nợ đến hạn. Điều này cho thấy Công ty đang quản lý vốn lưu động khá chặt chẽ, ưu tiên nguồn lực cho các hoạt động đầu tư dài hạn.

Hệ số thanh toán nhanh đạt 0,85 lần, cải thiện so với mức 0,82 lần đầu năm, phản ánh khả năng thanh khoản tức thời được nâng lên. Mặc dù chưa đạt mức lý tưởng 1,0 lần, nhưng với đặc thù dòng

tiền ổn định của ngành cấp nước, mức này vẫn được đánh giá là phù hợp.

Bên cạnh đó, quy mô tài sản ngắn hạn tăng lên 213.391 triệu đồng, trong khi nợ ngắn hạn ở mức 182.324 triệu đồng. Đáng chú ý, tiền và các khoản tương đương tiền đạt hơn 68.070 triệu đồng, cùng với các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn gần 43.862 triệu đồng, tạo nguồn thanh khoản dồi dào cho Công ty. Nhờ đó, doanh nghiệp vẫn đảm bảo khả năng chi trả các nghĩa vụ tài chính và duy trì sự chủ động trong việc tiếp cận, tái cơ cấu các khoản vay khi cần thiết.

Cơ cấu vốn



Trong năm, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ghi nhận sự gia tăng rõ rệt trong mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản đạt 36,41%, tăng so với mức 29,84% đầu năm, trong khi hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 57,26%, tăng mạnh từ 42,53%. Điều này cho thấy cơ cấu nguồn vốn của Công ty đang dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ nhằm tài trợ cho hoạt động mở rộng quy mô.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty đẩy mạnh vay và nợ thuê tài chính, với dư nợ tăng đáng kể để phục vụ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Trong năm, tổng giá trị giải ngân cho các

công trình đạt 116.350 triệu đồng, tập trung vào mở rộng mạng lưới cấp nước, cải tạo hệ thống và nâng cấp công nghệ. Việc gia tăng nợ vay cũng kéo theo chi phí lãi vay tăng, tạo áp lực nhất định lên hiệu quả kinh doanh trong kỳ.

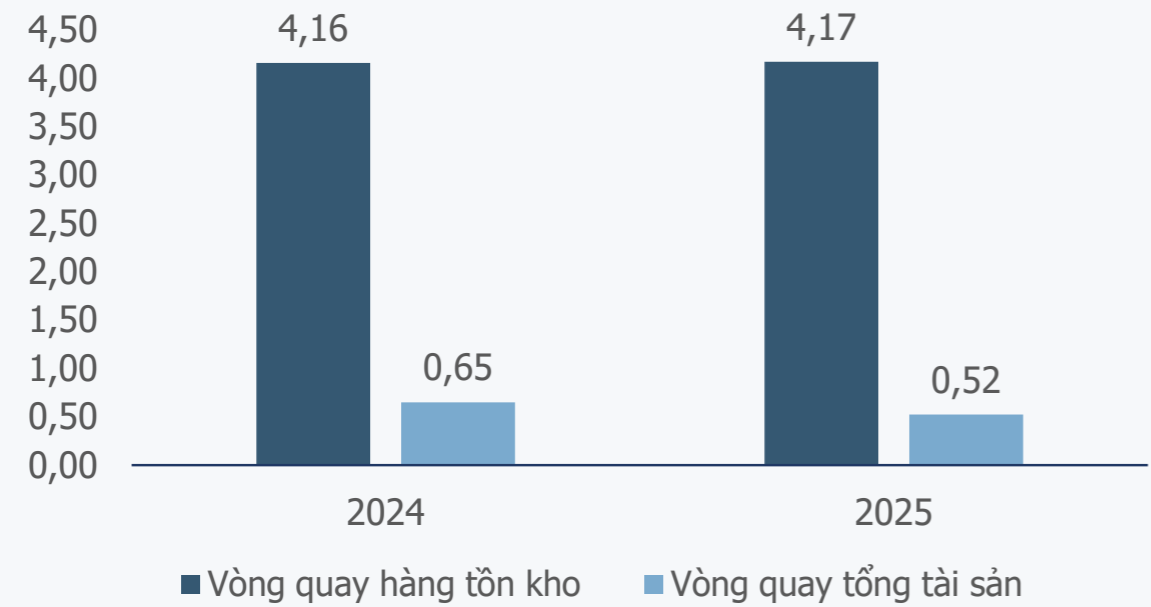
Tuy vậy, cơ cấu vốn của Công ty vẫn được đánh giá là tương đối an toàn khi vốn chủ sở hữu đạt 602.597 triệu đồng, cao hơn đáng kể so với tổng nợ phải trả. Tổng thể, năm 2025 phản ánh chiến lược sử dụng đòn bẩy tài chính nhằm thúc đẩy tăng trưởng và đầu tư dài hạn, đồng thời vẫn đảm bảo mức độ tự chủ tài chính trong ngưỡng kiểm soát.



Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính

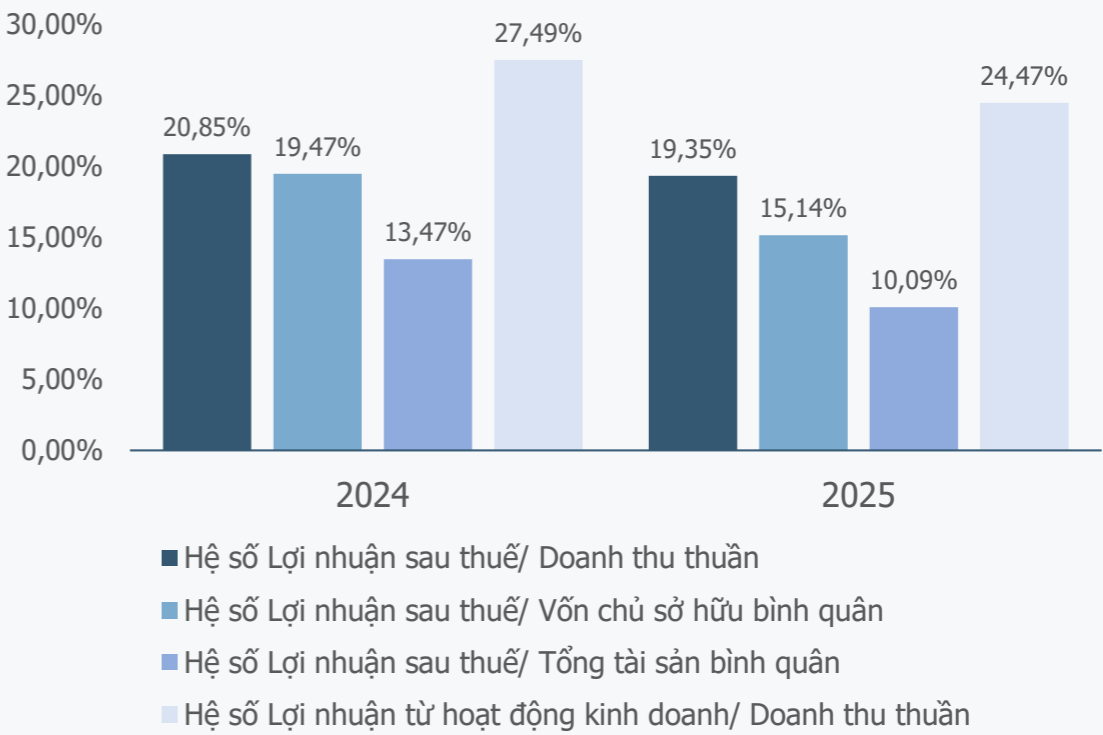
Năng lực hoạt động



Với các tiêu chí phản ánh năng lực hoạt động, Công ty ghi nhận sự suy giảm nhẹ. Vòng quay hàng tồn kho đạt 4,17 vòng, tăng nhẹ so với mức 4,16 vòng của năm trước, cho thấy Công ty vẫn duy trì tốc độ giải phóng hàng tồn kho rất ổn định. Đồng thời, hiệu suất sử dụng tài sản cũng giảm khi vòng quay tổng tài sản chỉ đạt 0,52 vòng, thấp hơn mức khoảng 0,65 vòng của năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc doanh thu thuần giảm trong khi tổng tài sản bình quân tăng mạnh do Công ty đẩy mạnh đầu tư vào các công trình xây

dựng cơ bản và mở rộng mạng lưới cấp nước. Việc tài sản gia tăng nhanh hơn doanh thu khiến hiệu quả khai thác tài sản trong ngắn hạn bị ảnh hưởng. Xét tổng thể, các chỉ số vòng quay cho thấy hiệu quả hoạt động của Công ty có xu hướng chững lại. Tuy nhiên, điều này mang tính chất ngắn hạn và phản ánh giai đoạn đầu tư mở rộng, khi các tài sản mới cần thời gian để đi vào vận hành và tạo ra nguồn doanh thu tương ứng trong tương lai.

Khả năng sinh lời



Trong năm, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ ghi nhận sự suy giảm ở các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời, tuy nhiên vẫn duy trì ở mức tương đối tích cực. Cụ thể, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 19,35%, giảm so với năm trước nhưng vẫn cho thấy mỗi đồng doanh thu tạo ra mức lợi nhuận khá cao. Tương tự, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 24,47%, phản ánh hoạt động cốt lõi vẫn giữ được hiệu quả tốt dù chịu áp lực chi phí gia tăng. Ở góc độ hiệu quả sử dụng vốn, ROE đạt 15,14% và ROA đạt 10,09%, đều giảm so với năm 2024 do

lợi nhuận suy giảm trong khi quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu tăng mạnh. Nguyên nhân chủ yếu đến từ doanh thu thuần giảm, trong khi chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp gia tăng, cùng với yếu tố nền so sánh cao của năm trước khi ghi nhận khoản thu đột biến. Tổng thể, khả năng sinh lời năm 2025 có xu hướng thu hẹp nhưng vẫn duy trì ở mức khá tốt, đặc biệt trong bối cảnh Công ty đang đẩy mạnh đầu tư và chịu áp lực chi phí. Điều này cho thấy nền tảng tài chính của doanh nghiệp vẫn ổn định, tạo cơ sở để cải thiện hiệu quả hoạt động trong các giai đoạn tiếp theo.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tính tại ngày 31/12/2025



Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 28.000.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: : 27.998.600 cổ phiếu
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 27.998.600 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.400 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 5.000 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 17/07/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	14.280.000	142.800.000.000	51,00%
II	Cổ đông trong nước	27.997.300	279.973.000.000	99,99%
1	Cá nhân	384.400	3.844.000.000	1,37%
2	Tổ chức	27.612.900	276.129.000.000	98,62%
III	Cổ đông nước ngoài	2.700	27.000.000	0,01%
1	Cá nhân	4.500	45.000.000	0,02%
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng (II+III)		28.000.000	280.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% theo Công văn số 3110/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25/05/2022 về Thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông lớn

Tính tại ngày 17/07/2025

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	UBND Thành phố Cần Thơ	14.280.000	142.800.000.000	51,00%
2	CTCP -Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	6.900.000	69.000.000.000	24,64%
3	CTCP Nước Thủ Dầu Một	6.429.900	64.299.000.000	22,96%



Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

- Tại ngày 01/01/2015, Công ty hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với 100% vốn nhà nước, tương ứng phần vốn góp là 179.061.983.755 đồng.
- Từ ngày 01/07/2015, Công ty chuyển đổi sang mô hình CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155244 (đăng ký thay đổi lần thứ 9) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ sau khi chuyển đổi là 280.000.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ chưa thực hiện tăng vốn điều lệ, duy trì ổn định ở mức 280.000.000.000 đồng. Trong đó, cổ đông Nhà nước – đại diện là Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ – nắm giữ 64% vốn điều lệ.
- Đến năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thực hiện thoái vốn Nhà nước tại Công ty, giảm tỷ lệ sở hữu từ 64% xuống còn 51% và duy trì đến thời điểm hiện nay.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty không ghi nhận phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.
- Các chứng khoán khác: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty không ghi nhận phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Tác động lên môi trường

Năm 2025, là một Công ty trực tiếp hoạt động trong ngành nước- ngành nghề tác động trực tiếp đến môi trường và đời sống cộng đồng, Công ty ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong năm 2025, các tác động chính đến môi trường tiếp tục tập trung vào tiêu thụ năng lượng cho vận hành hệ thống, phát sinh khí thải gián tiếp từ sử dụng điện, bùn thải và nước thải sau xử lý. Để kiểm soát các tác động này, Công ty duy trì vận hành ổn định các hệ thống xử lý nước và nước thải, bảo đảm các chỉ tiêu môi trường đầu ra đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, hạn chế tối đa nguy cơ ảnh hưởng đến nguồn nước và môi trường sống xung quanh.

Bên cạnh các biện pháp duy trì ổn định, Công ty luôn nghiên cứu, tìm cách ứng dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu suất, sử dụng các thiết bị cũng như chuyển dần sang các nguồn năng lượng tái tạo như hệ thống điện mặt trời. Thông qua các giải pháp này, Công ty từng bước giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái và nâng cao chất lượng môi trường sống trên địa bàn hoạt động.

Trong công tác kiểm soát môi trường, CANTHOWASSCO thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành. Tại các nhà máy và trạm xử lý, Công ty bố trí đội ngũ nhân sự chuyên trách chịu trách nhiệm theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải, qua đó kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ phát sinh sự cố môi trường. Khi xảy ra sự cố, Công ty chủ động triển khai các biện pháp ứng phó theo quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn cho người lao động, tài sản và hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh, đồng thời thực hiện báo cáo và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì hoạt động quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn nước tiếp nhận nhằm kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu môi trường theo quy định. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải được quy hoạch, vận hành theo hướng tách biệt và tập trung, đảm bảo toàn bộ lượng nước thải phát sinh đều được xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải, góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên và nâng cao chất lượng môi trường sống tại địa phương.

“CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ xác định phát triển bền vững là nguyên tắc xuyên suốt trong mọi hoạt động, hướng đến hài hòa giữa hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Công ty tập trung đầu tư công nghệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và năng lượng, đồng thời bảo đảm cung cấp dịch vụ ổn định, an toàn, góp phần vào sự phát triển lâu dài của cộng đồng và đô thị.”

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm, nguồn nguyên liệu mà Công ty tiêu thụ như sau:

Nguyên liệu	ĐVT	Năm 2024		Năm 2025	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên g/m³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên g/m³
Nhà máy nước Cần Thơ 1					
PAC	Kg	169.125	7,383	151.121	7,07
Clor	Kg	46.016	2,008	44.817	2,1
Nhà máy nước Hưng Phú					
PAC	Kg	22.976	4,79	21.950	4,7
Clor	Kg	11.899	2,5	10.399	2,2
Nhà máy nước Bông Vang					
PAC	Kg	23.490	6,5	29.419	6,9
Clor	Kg	9.680	2,7	9.950	2,3

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử dụng hóa chất xử lý nước tại các nhà máy nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và tiết kiệm chi phí. Tổng lượng hóa chất PAC và Clor sử dụng tại các nhà máy cơ bản được kiểm soát ổn định so với năm 2024, trong đó một số nhà máy ghi nhận mức tiêu thụ giảm nhẹ nhờ tối ưu quy trình xử lý nước và nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng áp dụng các biện pháp kỹ thuật nhằm kiểm soát chặt chẽ lượng hóa chất sử dụng trong quá trình xử lý nước. Hệ thống giám sát và kiểm tra định kỳ tại các nhà máy được duy trì nhằm đảm bảo việc pha trộn và sử dụng hóa chất đúng định mức, hạn chế thất thoát và đảm bảo chất lượng nước đầu ra. Việc điều chỉnh

định lượng hóa chất phù hợp với chất lượng nguồn nước đầu vào cũng góp phần nâng cao hiệu quả xử lý và tối ưu chi phí sản xuất. Ngoài ra, Công ty thường xuyên đào tạo và nâng cao nhận thức cho đội ngũ vận hành tại các nhà máy về việc sử dụng hóa chất an toàn, tiết kiệm và đúng quy trình kỹ thuật. Công tác quản lý, bảo quản và cấp phát vật tư được thực hiện chặt chẽ, giúp đảm bảo nguồn cung ổn định cho hoạt động sản xuất nước sạch. Những biện pháp trên thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc quản lý hiệu quả nguồn nguyên vật liệu, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cung cấp nguồn nước sạch ổn định cho người dân tại Cần Thơ



Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng	ĐVT	NMN Cần Thơ 1		NMN Hưng Phú		NMN Bông Vang	
		Tổng lượng sử dụng	Tính trên Wh/m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên Wh/m ³	Tổng lượng sử dụng	Tính trên Wh/m ³
Điện năng	Kwh	4.452.826	208	813.741	175	862.600	203
Dầu diesel	Lít	3.937	-	4.789	-	1.292	-

Trong năm 2025, Công ty đã tiêu thụ tổng cộng 6.129.167 Kwh điện và 10.018 lít dầu diesel tại ba nhà máy nước (NMN Cần Thơ 1, NMN Hưng Phú và NMN Bông Vang). Để từng bước giảm thiểu năng lượng tiêu thụ trực tiếp, Công ty đã đầu tư vào công nghệ hiện đại và triển khai các giải pháp sử dụng năng lượng tái tạo, điển hình là hệ thống điện mặt trời tại một số cơ sở vận hành. Đồng thời, Công ty liên tục cải tiến thiết bị và quy trình sản xuất, tăng cường bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo máy móc hoạt động ổn định, hiệu quả và tiêu hao ít năng lượng hơn. Các mục tiêu cụ thể về tiết kiệm năng lượng được đề ra và

gắn với kế hoạch quản trị vận hành, từ đó nâng cao tính chủ động và đo lường được kết quả đạt được. Bên cạnh yếu tố kỹ thuật, Công ty còn khuyến khích sự tham gia của đội ngũ nhân viên thông qua việc đề xuất sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong công việc hằng ngày. Những ý tưởng khả thi được triển khai thực tế và đánh giá hiệu quả thông qua các báo cáo định kỳ. Việc minh bạch công bố kết quả của các sáng kiến này không chỉ phản ánh cam kết của Công ty trong lĩnh vực quản lý năng lượng mà còn là cơ sở để xây dựng các giải pháp phù hợp trong tương lai.



Tiêu thụ nước

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp – thoát nước và xử lý nước thải, CANTHOWASSCO xác định tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi trong toàn bộ chuỗi hoạt động sản xuất, vừa là đầu vào thiết yếu, vừa là sản phẩm đầu ra chủ lực của Công ty. Trong năm 2025, nguồn nước thô phục vụ sản xuất nước sạch của CTW chủ yếu được khai thác từ sông Hậu và sông Cần Thơ, sau đó được xử lý theo quy trình công nghệ khép kín, đảm bảo chất lượng nước đầu ra đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế. Trước yêu cầu ngày càng cao về bảo vệ tài nguyên nước, Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp quản

lý và sử dụng nước hiệu quả thông qua tối ưu hóa quy trình vận hành, kiểm soát thất thoát trên mạng lưới cấp nước và nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên. Công ty duy trì công tác quan trắc, theo dõi chất lượng nước định kỳ và xây dựng các chỉ tiêu quản lý nội bộ nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng nước trong hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty từng bước nghiên cứu và triển khai các giải pháp tái sử dụng nước trong nội bộ hoạt động vận hành tại các khâu phù hợp, góp phần tiết kiệm tài nguyên, giảm áp lực lên nguồn nước khai thác và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực cấp thoát nước



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2025, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, Công ty chủ động rà soát, cập nhật kịp thời các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường mới và các yêu cầu quản lý liên quan, qua đó điều chỉnh phương án vận hành và công tác kiểm soát môi trường phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển bền vững.

CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ cam kết toàn bộ hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch trong năm 2025 đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về chất lượng nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế. Công tác kiểm soát chất lượng nước được thực hiện thường xuyên thông

qua hệ thống kiểm tra, giám sát nhiều cấp, trong đó Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố thực hiện kiểm tra định kỳ hằng tháng đối với nhóm chỉ tiêu A, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ thực hiện kiểm tra các nhóm chỉ tiêu B và AB theo quy định. Bên cạnh đó, chất lượng nước mặt và nước thải sau xử lý tiếp tục được Công ty thuê Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thực hiện quan trắc, đánh giá theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành, bao gồm QCVN 08:2023/BTNMT đối với chất lượng nước mặt và QCVN 40:2011/BTNMT đối với nước thải công nghiệp.

Song song việc tuân thủ những yêu cầu pháp lý, Ban lãnh đạo Công ty tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị chuyên môn và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ môi trường qua các hoạt động như: tổ chức thử nghiệm nước hằng tháng, hỗ trợ giảm ngập đô thị,... Bên cạnh đó, CANTHOWASSCO tích cực tham gia các hội thảo, diễn đàn chuyên ngành về cấp thoát nước và môi trường để cập nhật xu hướng quản lý mới, chia sẻ kinh nghiệm và mở rộng hợp tác trong ngành, cùng đó là tiếp tục triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng và chương trình truyền thông về sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước và môi trường sống, góp phần nâng cao nhận thức xã hội và thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.



Chính sách liên quan đến người lao động



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Trong giai đoạn 2021–2025, số lượng người lao động của Công ty duy trì ổn định, dao động từ 311 đến 316 người mỗi năm. Cụ thể năm 2025 số lượng người lao động là 315 người, thu nhập bình quân: 16.257.338 đồng/người/tháng. Công ty luôn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định, phù hợp với điều kiện sản xuất – kinh doanh, đồng thời đảm bảo chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.



Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Trong năm 2025, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục khẳng định quan điểm lấy người lao động làm trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Các chính sách lao động của Công ty được xây dựng và triển khai theo hướng đảm bảo an toàn, sức khỏe và phúc lợi lâu dài cho người lao động, phù hợp với đặc thù ngành cấp – thoát nước và yêu cầu pháp luật hiện hành.

CANTHOWASSCO duy trì và nâng cao các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động thông qua việc tổ chức huấn luyện an toàn định kỳ, rà soát và cập nhật các quy trình làm việc an toàn tại nhà máy, trạm xử lý và khu vực thi công. Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân phù hợp với từng vị trí công việc, đồng thời được hướng

dẫn sử dụng đúng cách nhằm hạn chế tối đa rủi ro tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Công tác kiểm tra, giám sát an toàn lao động được thực hiện thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn và lành mạnh.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục triển khai đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định, kết hợp với chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bao gồm khám sức khỏe định kỳ, tư vấn y tế và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe khi cần thiết. Trong năm 2025, Công ty tăng cường các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần, khuyến khích lối sống lành mạnh và cân bằng giữa công việc và cuộc sống thông qua các chương trình văn hóa – thể thao và hoạt động nội bộ.

Song song với việc đảm bảo các quyền lợi cơ bản, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện và gắn kết, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực, nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển nghề nghiệp lâu dài. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì đội ngũ lao động ổn định, nâng cao hiệu quả hoạt động và đồng hành cùng định hướng phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.





Chính sách liên quan đến người lao động



Hoạt động đào tạo người lao động

Chính sách lao động của CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ được xây dựng với mục tiêu bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao phúc lợi cho người lao động. Đồng thời, Công ty cam kết tạo ra môi trường làm việc tích cực, hỗ trợ phát triển nghề nghiệp thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng và học tập liên tục.

Bên cạnh các chế độ an sinh, Công ty đặc biệt chú trọng phát triển năng lực chuyên môn cho người lao động. Các chương trình đào tạo được thiết kế từ cơ bản đến chuyên sâu, bao gồm kỹ thuật chuyên

ngành, kỹ năng mềm và cập nhật công nghệ, nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh đổi mới và phát triển không ngừng.

CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ thường xuyên tổ chức hội thảo, khóa đào tạo nội bộ và tạo điều kiện để nhân viên tham gia các khóa học trực tuyến, webinar, cũng như các chương trình đào tạo từ xa. Đối với người lao động có nhu cầu nâng cao trình độ học vấn, Công ty áp dụng chính sách hỗ trợ học phí cho các chương trình đại học và sau đại học liên quan đến lĩnh vực hoạt động.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục thể hiện trách nhiệm cao đối với cộng đồng địa phương thông qua nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa. Công ty không chỉ đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, an toàn cho người dân mà còn tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn và đóng góp cho các quỹ cộng đồng. Trong năm, Công ty đã dành nguồn kinh phí đáng kể để chăm lo đời sống người lao động, đồng thời tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện như hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, đóng góp cho quỹ vì người nghèo và các chương trình xã hội tại địa phương. Bên cạnh đó, Công ty còn đẩy mạnh các hoạt động gắn kết nội bộ như tổ chức chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên và gia đình, qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, nhân văn. Những hoạt động này không chỉ khẳng định vai trò của Công ty trong việc phát triển kinh tế gắn liền với trách nhiệm xã hội mà còn góp phần nâng cao uy tín và hình ảnh doanh nghiệp tại địa phương.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN



Thị trường vốn xanh ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong hệ thống tài chính toàn cầu, đóng góp vào việc tài trợ cho các dự án thân thiện với môi trường và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Các công cụ tài chính như trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh và quỹ đầu tư xanh đang ngày càng trở nên phổ biến, không chỉ giúp các doanh nghiệp huy động nguồn vốn hiệu quả mà còn thể hiện cam kết của họ đối với trách nhiệm xã hội và môi trường. Mặc dù hiện nay CANTHOWASSCO chưa tham gia trực tiếp vào thị trường vốn xanh, nhưng Công ty vẫn đang tập trung tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào chiến lược hoạt động. Bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả luôn được xem là nguyên tắc cốt lõi trong mọi hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty đã và đang triển khai các giải pháp tối ưu hóa quy trình vận

hành, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát thải và thực hiện các dự án xây dựng hệ thống tuần hoàn nước, hướng tới việc sử dụng nguồn năng lượng tái tạo. Các nỗ lực này không chỉ giúp CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ nâng cao hiệu quả vận hành, kiểm soát chi phí và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, mà còn tạo nền tảng vững chắc để Công ty có thể tiếp cận các nguồn tài chính xanh trong tương lai. Đây là bước đi quan trọng trong việc đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao từ các nhà đầu tư về yếu tố ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị), đồng thời khẳng định định hướng phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn. Bằng cách này, Công ty đang chuẩn bị cho một tương lai thịnh vượng hơn, nơi yếu tố phát triển bền vững sẽ đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

3



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH **Năm 2025**

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch trong bối cảnh môi trường hoạt động còn nhiều biến động, đòi hỏi sự chủ động và thích ứng linh hoạt. Dưới sự định hướng của Hội đồng quản trị, sự điều hành sát sao của Ban Điều hành và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đặt mục tiêu duy trì hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả quản lý, từng bước cải thiện chất lượng dịch vụ và tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Thuận lợi

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ mặc dù đối mặt với áp lực suy giảm về doanh thu và sản lượng, vẫn ghi nhận nhiều thuận lợi quan trọng trong hoạt động quản lý và vận hành. Công ty đã hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu cốt lõi như lợi nhuận sau thuế đạt 55.104 triệu đồng (vượt 2,43% kế hoạch), đồng thời mở rộng tệp khách hàng với 2.753 hộ đầu nối mới và tổng số khách hàng đạt 80.873 hộ. Bên cạnh đó, công tác đầu tư được triển khai hiệu quả khi giải ngân 116.350 triệu đồng, đạt khoảng 94,7% kế hoạch, góp phần nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước.

Một điểm sáng nổi bật là hiệu quả trong công tác quản lý kỹ thuật, khi tỷ lệ thất thoát nước giảm mạnh xuống còn 11,5%, thấp hơn đáng kể so với kế hoạch và mức của năm trước. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số với việc đưa vào vận hành Trung tâm giám sát MDC, áp dụng các giải pháp IoT, AI trong quản lý và ghi nhận chỉ số nước, cũng như nâng cao tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt lên hơn 91%.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục duy trì nền tảng quản trị ổn định, được cơ quan chức năng đánh giá cao về tuân thủ chính sách, đồng thời đảm bảo chất lượng nước theo các tiêu chuẩn kỹ thuật. Đời sống người lao động cũng được quan tâm với nhiều chính sách hỗ trợ thiết thực. Những yếu tố này tạo nền tảng thuận lợi để Công ty củng cố hiệu quả hoạt động và hướng tới phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi trong quá trình hoạt động, Công ty cũng phải đối mặt với những thách thức, khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước hết, Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng về sản lượng và doanh thu khi sản lượng nước sạch chỉ đạt 26,93 triệu m³, đạt 97,75% kế hoạch và doanh thu đạt 326.242 triệu đồng, đạt 96,46% kế hoạch. Mức tăng trưởng sản lượng chỉ đạt 0,34%, thấp hơn đáng kể so với các năm trước, phản ánh nhu cầu tiêu thụ nước có xu hướng chững lại và vùng phục vụ bị giới hạn.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ các yếu tố khách quan như thời tiết bất lợi khi mùa mưa đến sớm làm giảm nhu cầu sử dụng nước, việc sáp nhập các cơ quan hành chính khiến một số điểm tiêu thụ ngừng hoạt động, cùng với tâm lý tiết kiệm của khách hàng sau khi giá nước được

điều chỉnh trong năm 2024. Bên cạnh đó, mảng thoát nước và xử lý nước thải gặp nhiều vướng mắc về thủ tục pháp lý và cơ chế giá, dẫn đến việc chậm thanh toán chi phí vận hành năm 2024-2025 và ảnh hưởng đến nguồn thu của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn chịu áp lực từ chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp gia tăng trong bối cảnh đẩy mạnh đầu tư, đồng thời không còn ghi nhận khoản thu đột biến như năm 2024, khiến lợi nhuận bị thu hẹp. Một số tổn động như nợ xấu, công tác thanh lý tài sản và các thủ tục đất đai chưa hoàn tất cũng phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Tổng thể, năm 2025 là giai đoạn Công ty phải đối mặt với nhiều thách thức cả từ yếu tố thị trường, chính sách và nội tại trong quá trình mở rộng đầu tư.

Những tiến bộ công ty đã đạt được



Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ vẫn đạt được nhiều kết quả và tiến bộ nổi bật trong năm 2025:

- Hoàn thành vượt mức một số chỉ tiêu quan trọng, đặc biệt là lợi nhuận sau thuế đạt 55.104 triệu đồng, vượt 2,43% kế hoạch; đồng thời phát triển khách hàng với 2.753 hộ đầu nối mới, đạt 114,71% kế hoạch.
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới cấp nước khi tổng số khách hàng đạt 80.873 hộ, vượt kế hoạch đề ra, góp phần củng cố thị phần và phạm vi phục vụ.
- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản với giá trị giải ngân 116.350 triệu đồng, tập trung vào các công trình cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước tại các khu vực trọng điểm.
- Đạt bước tiến vượt bậc trong công tác chống thất thoát nước khi tỷ lệ thất thoát giảm xuống còn 11,5%, thấp hơn đáng kể so với kế hoạch và năm trước, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ với việc đưa Trung tâm Giám sát và Ứng dụng công nghệ (MDC) vào hoạt động; triển khai các giải pháp IoT, AI trong quản lý và giám sát hệ thống cấp nước.
- Gia tăng mức độ số hóa dịch vụ khách hàng, với tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 91% và tỷ lệ khách hàng sử dụng ứng dụng chăm sóc khách hàng ngày càng cao, giúp nâng cao trải nghiệm và tính minh bạch.
- Duy trì hoạt động cấp nước an toàn, ổn định; đảm bảo chất lượng nước đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT và tiếp tục vận hành hệ thống theo các tiêu chuẩn ISO.
- Thực hiện tốt công tác quản trị và chăm lo đời sống người lao động, đảm bảo thu nhập và phúc lợi ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Công ty.



Tình hình Tài chính

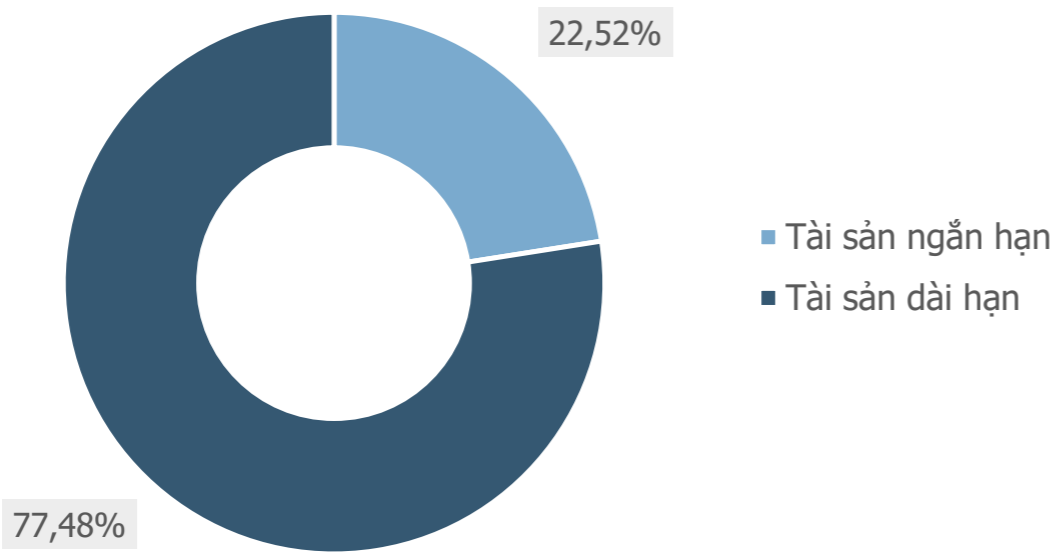
Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		TH 2025/ TH 2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	168.429	20,77%	213.391	23%	126,69%
Tài sản dài hạn	642.437	79,23%	734.245	77%	114,29%
Tổng tài sản	810.865	100,00%	947.636	100,00%	116,87%

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ đạt 947.636 triệu đồng, tăng 16,87% so với cuối năm 2024, cho thấy Công ty tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động. Cơ cấu tài sản vẫn mang đặc trưng của doanh nghiệp hạ tầng khi tài sản dài hạn chiếm 77% tỷ trọng tài sản, chủ yếu là tài sản cố định và các công trình cấp nước đang đầu tư xây dựng, phản ánh định hướng tăng cường đầu tư vào hệ thống nhà máy và mạng lưới cấp nước. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn chiếm 23%, với tỷ trọng đáng kể là tiền và các khoản tương đương tiền cùng tiền gửi có kỳ hạn, góp phần đảm bảo khả năng thanh khoản và phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty được duy trì ở mức hợp lý, tạo nền tảng cho việc nâng cao năng lực cung cấp nước và phát triển ổn định trong thời gian tới

Cơ cấu tài sản 2025



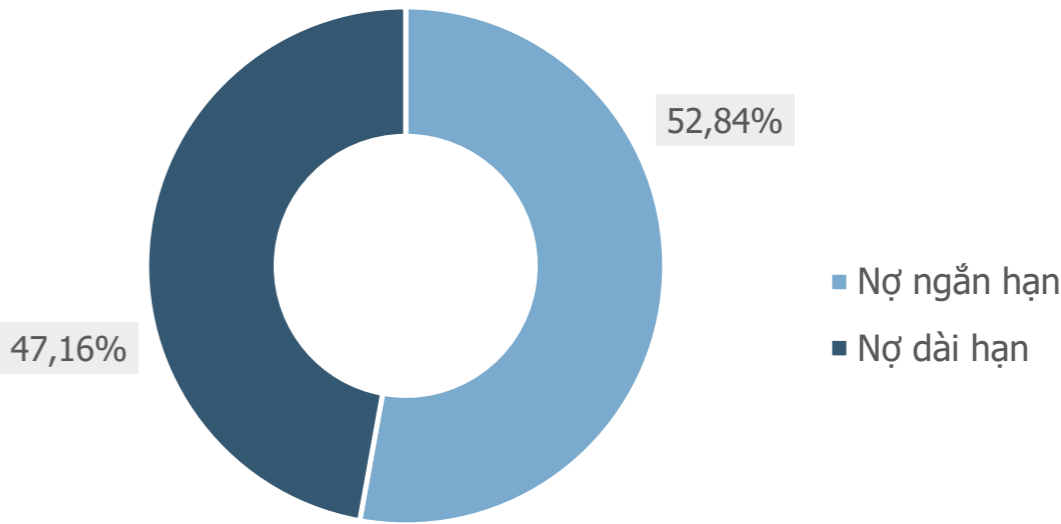
Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		TH 2025/ TH 2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	142.495	58,89%	182.324,31	53%	127,95%
Nợ dài hạn	99.469	41,11%	162.714,80	47%	163,58%
Tổng nợ phải trả	241.965	100,00%	345.039,11	100,00%	142,60%

Về tình hình nợ phải trả, Công ty ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong tổng nợ phải trả, phản ánh nhu cầu huy động thêm nguồn vốn để phục vụ các hoạt động đầu tư và mở rộng hệ thống cấp nước. Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 345.039 triệu đồng, tăng 42,6% so với mức 241.965 triệu đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Trong đó, nợ ngắn hạn tăng từ 142.495 triệu đồng lên 182.324 triệu đồng, tương ứng mức tăng 27,95%, chiếm 53% tổng nợ phải trả. Sự gia tăng này chủ yếu liên quan đến các khoản vay đến hạn, phải trả người bán và các nghĩa vụ tài chính phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, nợ dài hạn tăng mạnh từ 99.469 triệu đồng lên 162.715 triệu đồng, tương ứng mức tăng 63,58%, làm tăng tỷ trọng nợ dài hạn trong cơ cấu nợ từ 41,11% lên 47%. Việc gia tăng nợ phải trả, đặc biệt là các khoản vay dài hạn, cho thấy Công ty đang đẩy mạnh đầu tư vào các dự án hạ tầng và nâng cấp hệ thống cấp nước nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của người dân. Với dòng tiền từ hoạt động kinh doanh ổn định, Công ty vẫn duy trì khả năng thanh toán và nền tảng tài chính cần thiết.

Cơ cấu nợ 2025



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục triển khai nhiều cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả điều hành và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động cấp nước. Một số nội dung nổi bật gồm:

- Kiện toàn bộ máy tổ chức: Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2025, bầu lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025–2030; đồng thời các tổ chức đoàn thể như Công đoàn và Đoàn Thanh niên cũng hoàn tất đại hội nhiệm kỳ mới, góp phần củng cố hệ thống quản trị và nâng cao hiệu quả điều hành.
- Triển khai Trung tâm Giám sát và Ứng dụng Công nghệ – Chuyển đổi số (MDC): Trung tâm chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025, thực hiện giám sát tập trung hệ thống SCADA tại các nhà máy, theo dõi áp lực và lưu lượng trên mạng lưới cấp nước, đồng thời ứng dụng các thuật toán cảnh báo nhằm hỗ trợ công tác vận hành và quản lý hệ thống cấp nước.
- Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý: Công ty triển khai giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) nhận dạng chỉ số đồng hồ nước từ hình ảnh nhằm nâng cao độ chính xác trong nhập liệu; đồng thời nâng cấp hệ thống WebGIS để quản lý tài sản mạng lưới, ứng dụng Power BI trong xây dựng các Dashboard phân tích dữ liệu và cải tiến phần mềm quản lý văn bản để theo dõi tiến độ công việc hiệu quả hơn.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng: Công ty tiếp tục đẩy mạnh ký kết hợp đồng điện tử trong cung cấp nước sinh hoạt, mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thông qua liên kết với ngân hàng và ví điện tử, đồng thời nâng cấp ứng dụng chăm sóc khách hàng CTWCare nhằm tăng tiện ích tra cứu thông tin và thanh toán cho khách hàng.
- Tăng cường quản lý kỹ thuật và chất lượng nước: Công ty duy trì vận hành các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO/IEC 17025:2017, đồng thời phát triển hệ thống giám sát chất lượng nước trực tuyến tại các nhà máy và trên mạng lưới cấp nước. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ NB-IoT trong giám sát áp lực và lưu lượng đã góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát thất thoát nước và tối ưu hóa công tác quản lý hệ thống cấp nước.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2026
Sản lượng	triệu m ³	27.300.000
Doanh thu	triệu đồng	325.469
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	44.759
Nộp thuế	-	Đúng, đủ và kịp thời gian quy định
Tỷ lệ thất thoát nước	%	12

- Rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức một số đơn vị trực thuộc, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động SXKD.
- Tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư, đặc biệt là các công trình:
 - Cải tạo, mở rộng mạng lưới cấp nước: Lắp đặt tuyến ống cấp nước D.225, D.180, D.110 HDPE của 32 tuyến đường thuộc phường Ninh Kiều, cúp ống cũ - Thực hiện chính sách đồng hồ; Tuyến ống cấp nước D180 HDPE dọc rạch Trà Niên lớn (Bờ trái từ cầu Trà Niên đến tỉnh lộ 918); Tuyến ống cấp nước D.225, D.180, D.110 HDPE khu tái định cư Thới Nhứt 1, phường Tân An, cúp ống cũ - Thực hiện chính sách đồng hồ; Di dời tuyến ống cấp nước nằm trong phạm vi thi công của dự án - Nút giao số 1 (Mậu Thân - 3/2 - Trần Hưng Đạo) và nút giao số 4 (Nguyễn Văn Linh - 3/2), phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ; Hệ thống thu hồi và xử lý, tái sử dụng nước rửa lãng, lọc Nhà máy nước Cần Thơ 1; Tuyến ống chuyển tải đường dẫn cầu Cần Thơ (Quốc lộ 1A từ IC3 đến cầu Ấp Mỹ); Tuyến ống chuyển tải qua cầu Tây Đô - TL926 Trường Long xã Nhơn Ái; Các công trình chuyển tiếp năm 2025 nhằm cải tạo và mở rộng Mạng lưới cấp nước trong vùng phục vụ.
 - Các công trình cải tạo phục vụ chống thất thoát nước và nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước theo đề nghị của địa phương, các đơn vị quản lý khách hàng nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Tăng cường công tác chống thất thoát nước sau khi hoàn tất việc tăng áp lực trên toàn mạng lưới.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước, kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước ≤ 12%.
- Dự án thoát nước và Xử lý nước thải: Tiếp tục phối hợp Sở Xây dựng thực hiện công tác bàn giao Dự án theo chỉ đạo UBND thành phố Cần Thơ và thực hiện các thủ tục để ký kết hợp đồng vận hành năm 2024, 2025.
- Tiếp tục vận hành tuyến cống, trạm bơm và Nhà máy xử lý nước thải thành phố Cần Thơ, công suất 30.000 m³/ngày-đêm theo đề xuất và kế hoạch được duyệt.
- Trạm xử lý nước thải Khu dân cư tái định cư 38,4ha Bình Khánh, TPHCM: Lập hồ sơ thanh quyết toán theo quy định.
- Tiếp tục đấu thầu, thực hiện công tác dịch vụ công ích đô thị (duy tu, nạo vét hệ thống thoát nước, vận hành Nhà máy Xử lý nước thải) trên địa bàn thành phố năm 2026 (nếu có).
- Tiếp tục phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra, khảo sát, đề xuất, thực hiện duy tu, sửa chữa hệ thống thoát nước trên địa bàn các phường.

- Không ngừng nỗ lực, nâng cao chất lượng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải nhằm giữ vững khách hàng truyền thống. Bên cạnh đó, tiếp tục tìm kiếm thêm khách mới trên địa bàn thành phố.
- Tiếp tục duy trì công tác thanh toán tiền nước qua ví điện tử và ngân hàng (đạt > 91%) nhằm giảm tỷ lệ khách hàng dùng tiền mặt; Tiếp tục cải tiến phần mềm tính tỷ lệ thất thoát tự động và bổ sung thêm các tính năng mới cho phần mềm WebGIS; Đẩy mạnh việc hướng dẫn khách hàng cài đặt và sử dụng ứng dụng Chăm sóc khách hàng CTWCare, tiến tới không gửi giấy báo tiền nước cho khách hàng, chỉ gửi thông báo tiền nước qua ứng dụng CTWCare khi triển khai đồng hồ thông minh đối với đồng hồ khách hàng 15 ly; Hoàn thiện xây dựng phân hệ quản lý điểm bể và sửa chữa.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không giải trình gì thêm.





Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường của Công ty



Đánh giá liên quan đến môi trường

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ tiếp tục duy trì tốt các chỉ tiêu môi trường và nâng cao chất lượng quản lý nguồn nước. Nguồn nước sạch cung cấp cho người dân luôn đạt quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT, đồng thời hệ thống giám sát chất lượng nước online được vận hành hiệu quả, giúp theo dõi liên tục các chỉ tiêu như độ đục, pH và Clo dư, từ đó nâng cao khả năng kiểm soát và xử lý kịp thời các biến động. Công tác xử lý nước thải cũng được đảm bảo khi Nhà máy xử lý nước thải duy trì công suất 30.000 m³/ngày-đêm, với nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột A trước khi xả ra môi trường, góp phần giảm thiểu ô nhiễm tại các khu dân cư.

Bên cạnh đó, tỷ lệ thất thoát nước giảm xuống còn 11,5% là một điểm tích cực, thể hiện hiệu quả trong quản lý mạng lưới và sử dụng tài nguyên nước. Công ty cũng từng bước triển khai các giải pháp tái sử dụng nước, tăng cường giám sát chất lượng nước thô và chủ động xây dựng các phương án ứng phó với xâm nhập mặn và ô nhiễm nguồn nước. Nhìn chung, các chỉ tiêu môi trường năm 2025 cho thấy Công ty duy trì được sự ổn định và cải thiện về hiệu quả quản lý tài nguyên nước, phù hợp với định hướng phát triển bền vững. Tuy nhiên, một số vướng mắc liên quan đến thủ tục pháp lý trong lĩnh vực

thoát nước và xử lý nước thải vẫn cần được tháo gỡ để nâng cao tính đồng bộ và hiệu quả quản lý trong thời gian tới.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua nhiều hoạt động thiết thực. Trong năm 2025, Công ty thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động trong dịp Lễ, Tết và tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương với tổng kinh phí 5.017.898.148 đồng. Công đoàn Công ty đã tổ chức trao quà Tết Nguyên đán cho đoàn viên với số tiền 152.350.000 đồng, góp phần tạo điều kiện để người lao động vui xuân, đón Tết. Đồng thời, Công đoàn cũng tổ chức Hội thao và Ngày hội Công nhân năm 2025, phối hợp cùng chính quyền tổ chức chương trình tham quan du lịch cho cán bộ, công nhân viên – lao động vào tháng 6/2025 với kinh phí 34.200.000 đồng. Ngoài ra, Đoàn cơ sở Công ty tổ chức chương trình Tết Trung thu năm 2025 cho con em người lao động và các chi bộ cũng tổ chức hoạt động về nguồn cho đảng viên, quần chúng, góp phần tăng cường sự gắn kết nội bộ và xây dựng môi trường làm việc tích cực.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc không ngừng nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng dịch vụ, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ còn thể hiện rõ trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua việc đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, ổn định và đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT của Bộ Y tế. Đồng thời, Công ty tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội như ủng hộ nhân dân Cuba, hỗ trợ đồng bào bị lũ lụt và đóng góp cho các quỹ từ thiện như Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Tấm lòng vàng với tổng số tiền 203.130.000 đồng. Song song đó, trách nhiệm bảo vệ môi trường cũng được chú trọng thông qua việc vận hành hiệu quả hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải của thành phố Cần Thơ, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định. Công ty cũng triển khai nhiều giải pháp kỹ thuật nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống 11,5%, góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

4

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể người lao động Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ trong việc chủ động thích ứng với những khó khăn của thị trường, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và cung cấp nước sạch an toàn, liên tục cho người dân thành phố Cần Thơ. Mặc dù chịu tác động từ việc sản lượng tiêu thụ tăng trưởng chậm và doanh thu sụt giảm so với năm trước, Công ty vẫn hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận, đồng thời tiếp tục cải tiến công tác quản lý, nâng cao hiệu quả vận hành và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động.

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận những kết quả tích cực trong bối cảnh có nhiều thách thức từ yếu tố thời tiết, nhu cầu sử dụng nước giảm và áp lực chi phí gia tăng. Doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế vẫn vượt 2,43% kế hoạch, cho thấy hiệu quả trong công tác kiểm soát chi phí và điều hành. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng số lượng khách hàng, đồng thời đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản nhằm nâng cao năng lực cung ứng trong dài hạn. Các giải pháp chuyển đổi số, đặc biệt trong giám sát vận hành và dịch vụ khách hàng, tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tính minh bạch.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc và các quản lý của công ty đã thực hiện một cách toàn diện và nghiêm túc các Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp. Trong quá trình quản lý, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành luôn tuân thủ đúng theo cấp bậc và quy định được đề ra trong Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Tổng Giám đốc phát huy tốt vai trò và trách nhiệm như người đứng đầu, chỉ đạo và định hướng các vấn đề quan trọng và cốt lõi, điều phối hoạt động của Ban Điều hành thực hiện kịp thời tiến độ kinh doanh. Trong năm, Ban điều hành đã xây dựng tốt các phương án mở rộng và cải tạo mạng lưới cung cấp nước nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng nước của người dân địa phương.

Về trách nhiệm môi trường, Công ty tiếp tục tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật, duy trì chất lượng nước sạch đạt quy chuẩn của Bộ Y tế và vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải với nước đầu ra đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Đáng chú ý, tỷ lệ thất thoát nước giảm xuống còn 11,5%, phản ánh hiệu quả trong công tác quản lý tài nguyên nước. Công ty cũng chủ động triển khai các giải pháp giám sát nguồn nước, ứng phó với xâm nhập mặn và từng bước áp dụng các công nghệ nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động môi trường.

Về trách nhiệm xã hội, Công ty tiếp tục khẳng định vai trò gắn kết với cộng đồng thông qua các hoạt động an sinh, chăm lo đời sống người lao động và đóng góp cho các chương trình xã hội tại địa phương. Trong năm, Công ty đã dành nguồn lực đáng kể cho các hoạt động phúc lợi, đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc ổn định cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện và hỗ trợ cộng đồng.

Hội đồng quản trị đánh giá Công ty đã duy trì được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo phục hồi theo hướng tích cực nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro như căng thẳng địa chính trị, biến động lãi suất – tỷ giá, gián đoạn chuỗi cung ứng và áp lực lạm phát, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8%. Tại địa phương, Thành phố Cần Thơ xác định mục tiêu tăng trưởng kinh tế tối thiểu từ 9,5%, hướng đến tăng trưởng hai con số. Đây vừa là cơ hội vừa là thách thức lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động năm 2025 của Công ty như sau:

– Tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản trị theo đúng phạm vi quyền hạn được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cùng các

quy chế liên quan.

– Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư theo hướng ổn định và phát triển, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao.

– Chủ động điều chỉnh chiến lược sản xuất kinh doanh và đầu tư phù hợp với tình hình thực tế; chú trọng bảo đảm an ninh nguồn nước, tăng cường kết nối mạng lưới cấp nước khu vực nhằm duy trì ổn định hoạt động cấp nước an toàn cho toàn thành phố.

– Tăng cường ứng dụng công nghệ và đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động vận hành, quản trị và chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tiết kiệm chi phí và gia tăng năng suất lao động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của BKS trong năm

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS



Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành, 03 thành viên không điều hành.

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu + Ủy quyền	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	10.085.100	36,02%
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	4.211.600	15,04%
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	-	-
4	Ông Trần Thế Hưng	Thành viên HĐQT	-	-
5	Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT - Phó TGĐ	200	0,0007%

Những thay đổi về thành viên HĐQT trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
1	Ông Trần Chiến Công	Miễn nhiệm ngày 17/6/2025
2	Ông Trần Thế Hưng	Bổ nhiệm ngày 17/6/2025

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Lộc	7/7	100%	
2	Ông Nguyễn Tùng Nguyên	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Thiện	7/7	100%	
4	Ông Trần Chiến Công	2/2	100%	Miễn nhiệm ngày 17/6/2025
5	Ông Trịnh Hữu Phúc	7/7	100%	
6	Ông Trần Thế Hưng	5/5	100%	Bổ nhiệm ngày 17/6/2025

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 03 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	13/02/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý I/2025.	100%
2	01/2025/TNQ-HĐQT	13/02/2025	Trích Nghị quyết thông qua chủ trương chấp thuận các giao dịch nội bộ có giá trị nhỏ, phục vụ công tác sản xuất giữa CanThoWassco và các công ty con (Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn và Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt) trừ giao dịch tài chính.	100%
3	02/2025/TNQ-HĐQT	13/02/2025	Trích Nghị quyết thông qua Kế hoạch đầu tư năm 2025.	100%
4	02/2025/NQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý II/2025.	100%



Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
5	03/2025/TNQ-HĐQT	29/4/2025	<div><div>- Trích Nghị quyết thông qua gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, chậm nhất trong tháng 6/2025. Lý do: Để Công ty có thời gian chuẩn bị thủ tục, tài liệu tổ chức Đại hội được chu đáo.</div><div>- Thống nhất thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:<div>+ Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ: 20/5/2025.</div><div>+ Tỷ lệ thực hiện: 01 cổ phiếu – 01 quyền biểu quyết.</div><div>+ Thời gian thực hiện: Thông báo sau trong thư mời họp.</div><div>+ Địa điểm thực hiện: Hội trường Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ – số 2A Nguyễn Trãi, phường Tân An, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.</div><div>+ Nội dung họp: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024; Kết quả hoạt động năm 2024; Kế hoạch năm 2025; Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025–2030 và một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thông báo cụ thể đến Cổ đông theo quy định.</div><div>- Thống nhất thông qua ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức và chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục để chốt danh sách cổ đông với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.</div></div></div>	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	04/2025/TNQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
7	05/2025/TNQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
8	06/2025/TNQ-HĐQT	29/4/2025	Nghị quyết thông qua đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ năm 2024.	100%
9	03/2025/NQ-HĐQT	17/6/2025	Nghị quyết bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, nhiệm kỳ 2025–2030.	100%
10	04/2025/NQ-HĐQT	28/7/2025	Nghị quyết Hội đồng quản trị quý III/2025.	100%
11	07/2025/TNQ-HĐQT	29/7/2025	<div>Trích Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn như sau:<div>1. Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025, kế hoạch hoạt động quý 3/2025 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn.</div><div>2. Báo cáo sử dụng lao động, tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025. Đối với tiền lương TBKS đề xuất hệ số 1,5.</div><div>3. Báo cáo tài chính tóm tắt quý 2/2025.</div></div>	100%

Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
12	08/2025/TNQ-HĐQT	29/7/2025	<p>- Trích Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt như sau:</p> <p>1. Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt.</p> <p>2. Báo cáo sử dụng lao động, tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025.</p> <p>- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ thống nhất thông qua Công văn số 232/CTN ngày 22/7/2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt về việc xin chủ trương về phương án giá nước bán buôn đối với KCN Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1) trong khi chờ quyết định phê duyệt của UBND TPCT.</p>	100%
13	05/2025/NQ-HĐQT	13/8/2025	<p>- Nghị quyết thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.</p> <p>- Thông qua số lượng con dấu của Công ty trước và sau khi thay đổi: 01 (một) con dấu.</p> <p>- Thông qua thời điểm có hiệu lực của con dấu: từ ngày 14/8/2025.</p> <p>- Giao Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm hủy con dấu cũ; bảo quản, quản lý và sử dụng con dấu mới theo đúng quy định của pháp luật và Công ty. Đồng thời thay đổi con dấu của các Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc Công ty theo địa giới hành chính mới.</p>	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	06/2025/NQ-HĐQT	13/8/2025	<p>- Nghị quyết thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.</p>	100%
12	08/2025/TNQ-HĐQT	29/7/2025	<p>- Trích Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt như sau:</p>	
15	07/2025/NQ-HĐQT	29/9/2025	<p>Nghị quyết thông qua chủ trương giao Tổng Giám đốc lập hồ sơ và thủ tục để khởi kiện Thuế thành phố Cần Thơ ra Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ trong việc xác định tiền thuê đất đối với thửa đất xây dựng Nhà máy nước Hưng Phú.</p>	100%
16	08/2025/NQ-HĐQT	29/10/2025	<p>Nghị quyết Hội đồng quản trị quý IV/2025.</p>	100%
17	09/2025/TNQ-HĐQT	29/10/2025	<p>Trích Nghị quyết thông qua Báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt.</p> <p>- 03/05 thành viên HĐQT thông qua ông Nguyễn Quang Đông tiếp tục giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty phụ trách điều hành Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt.</p>	100%
18	10/2025/TNQ-HĐQT	29/10/2025	<p>Trích Nghị quyết thông qua các nội dung liên quan đến Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn như sau:</p> <p>+ Báo cáo kết quả SXKD quý III/2025 và 9 tháng đầu năm 2025, kế hoạch hoạt động quý IV/2025.</p> <p>+ Báo cáo kết quả đầu tư xây dựng cơ bản 9 tháng đầu năm 2025 và dự thảo kế hoạch năm 2026.</p> <p>+ Giao cho phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ rà soát và điều chỉnh Quy chế tiền lương, thưởng đối với Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Người lao động Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.</p>	100%

Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
19	01/2025/QĐ-HĐQT	29/4/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Tùng Nguyên giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, nhiệm kỳ 2025-2030.	100%
20	02/2025/QĐ-HĐQT	29/4/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Huỳnh Thiện Đình giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, có thời hạn đến ngày nghỉ hưu.	100%
21	03/2025/QĐ-HĐQT	29/4/2025	Quyết định bổ nhiệm ông Diệp Tôn Kiên giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, nhiệm kỳ 2025-2030.	100%
22	04/2025/QĐ-HĐQT	29/4/2025	Quyết định thông qua chủ trương phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ năm 2025 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt.	100%
23	05/2025/QĐ-HĐQT	13/8/2025	Quyết định thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế khoa học và công nghệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.	100%
24	06/2025/QĐ-HĐQT	13/8/2025	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.	100%
25	07/2025/QĐ-HĐQT	29/10/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế Quản lý nợ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.	100%
26	08/2025/QĐ-HĐQT	29/10/2025	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ.	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Những thành viên nằm trong HĐQT đều là những cá nhân có chuyên môn cao và hoạt động nhiều năm trong ngành. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT, BKS và quản lý các phòng tham gia các buổi hội thảo, các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Đối với CB CNLĐ, Công ty luôn tạo điều kiện và động viên khen thưởng tham gia các lớp học nâng cao trình độ cũng như nghiệp vụ chuyên môn để ứng dụng vào thực tiễn công tác

Ngày 26-27/6/2025, Công ty có 4 nhân sự tham gia khóa đào tạo “Quản trị Công ty” được Viện phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh HUREDIN tổ chức, trong đó có 2 thành viên thuộc HĐQT là ông Nguyễn Tùng Nguyên – TVHĐQT, Tổng Giám đốc và ông Trịnh Hữu Phúc – TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc.



Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu + Ủy quyền	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	5.300	0,019%
2	Bà Ngô Hồng Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	1.300	0,005%
3	Ông Mai Song Hào	Thành viên Ban kiểm soát	-	0,00%

Rà soát Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm

Trong năm 2025, Công ty không có sự thay đổi về thành viên Ban Kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện đầy đủ chức năng giám sát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Hoạt động giám sát được triển khai một cách chủ động, tập trung vào việc theo dõi mức độ tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành Công ty theo chương trình hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát và các quy định hiện hành. Các nội dung giám sát được thực hiện theo đúng chức năng, thẩm quyền, góp phần bảo đảm hoạt động quản lý và điều hành được triển khai đúng định hướng và quy định. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát thực hiện rà soát tình hình tài chính và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định. Hoạt động này

nhằm góp phần bảo đảm tính minh bạch, an toàn và hiệu quả trong quản lý tài chính và vận hành của Công ty. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp đầy đủ và kịp thời từ Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các bộ phận liên quan theo quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế quản trị nội bộ CanThoWassco. Việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động quản trị và tài chính được thực hiện đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát. Ngoài ra, Ban kiểm soát cũng thực hiện kiểm tra khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông. Thông qua hoạt động giám sát và phối hợp, Ban Kiểm soát góp phần hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, đồng thời luôn duy trì nguyên tắc khách quan, độc lập và thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền theo quy định.

Số lượng các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Bà Lâm Nguyệt Thanh	5/5	100%	100%	
2	Bà Ngô Hồng Hạnh	5/5	100%	100%	
3	Ông Mai Song Hào	4/5	80%	80%	Bận công tác ngày 29/4/2025

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Ban kiểm soát đã tổ chức 05 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau

STT	Ngày	Nội dung
1	13/02/2025	<div><div>- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý IV/2024 (Công ty mẹ) và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024.</div><div>- Xem xét, góp ý Báo cáo Kiểm toán nội bộ quý IV/2024.</div><div>- Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 02/2025.</div><div>- Những ý kiến khác từ các thành viên Ban Kiểm soát (nếu có).</div></div>
2	29/4/2025	<div><div>- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý I/2025 và Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2025.</div><div>- Xem xét, góp ý Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và Báo cáo tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.</div><div>- Thảo luận và thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.</div><div>- Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 4/2025.</div><div>- Những ý kiến khác từ các thành viên Ban Kiểm soát (nếu có).</div></div>

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Hoạt động của Ban kiểm soát

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Ngày	Nội dung
3	28/7/2025	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý II/2025 và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý II/2025.- Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 7/2025.- Những ý kiến khác từ các thành viên Ban Kiểm soát (nếu có).
4	29/10/2025	<ul style="list-style-type: none">- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý III/2024 và Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024.- Xem xét, góp ý Tờ trình của Kiểm toán nội bộ về Kế hoạch kiểm tra quý IV/2024.- Thảo luận, góp ý các nội dung liên quan đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng 10/2024.- Các nội dung khác có liên quan.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập, thù lao, lương, thưởng
Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	1.101.281.630
2	Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT	116.100.000
3	Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	159.300.000
4	Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	116.100.000
5	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/06/2025)	108.900.000
6	Trần Thế Hưng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/06/2025)	50.400.000
Ban kiểm soát			
1	Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng ban kiểm soát	796.001.941
2	Ngô Hồng Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	781.562.534
3	Mai Song Hào	Thành viên ban kiểm soát	122.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
1	Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc	754.190.000
2	Trịnh Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc	670.540.000
3	Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc	754.040.000
4	Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	799.601.941
Tổng cộng			6.330.018.046

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan đối với cổ phiếu công ty

Trong năm 2025, CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ không ghi nhận phát sinh giao dịch từ các thành viên.

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)	Số Nghị quyết của HĐQT thông qua
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Hợp đồng kinh tế (trừ vay, cho vay)	222.322.922	Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 13/02/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn			-	

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

Trong năm 2025, Công ty không ghi nhận bất kỳ giao dịch nào giữa công ty với người có liên quan của công ty, cũng như giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ hay người có liên quan của người nội bộ.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ được đánh giá thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo quy định đối với doanh nghiệp đại chúng niêm yết trên thị trường UPCoM. Công ty duy trì việc công bố thông tin minh bạch, các báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Moore AISC và công khai theo đúng quy định. Trong năm, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và kiện toàn bộ máy quản trị với việc bầu lại Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025–2030. Hoạt động quản trị

doanh nghiệp được thực hiện hiệu quả, thể hiện qua việc người đại diện phần vốn nhà nước được Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Bên cạnh đó, Công ty đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính, tuân thủ tốt chính sách thuế và các quy định pháp luật liên quan, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành. Nhìn chung, hệ thống quản trị của Công ty vận hành ổn định, góp phần bảo vệ quyền lợi cổ đông và nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty").

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 3602/QĐ-UBND, ngày 08/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ, và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155244, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 6 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Tên tiếng Anh: Can Tho Water Supply - Sewerage Joint Stock Company.

Tên viết tắt: Canthowassco.

Mã chứng khoán: CTW.

Trụ sở chính: Số 2A Nguyễn Trãi, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất trong năm của Nhóm Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên
Ông Trần Thế Hưng	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 17/6/2025)
Ông Trần Chiến Công	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17/6/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng ban
Bà Ngô Hồng Hạnh	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Diệp Tôn Kiên	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc
------------------------	---------------

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Nhóm Công ty.

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Nhóm Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Nhóm Công ty và liên quan đến: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty; Ban Giám đốc các đơn vị thành viên; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
CẦN THƠ
P. MINH KIỀU-TP. CẦN THƠ

Nguyễn Tùng Nguyên
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026



MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ban Co Ward
Ho Chi Minh City,
Viet Nam
T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: A0625227-HN/MOORE AISC-DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các công ty Con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ và các công ty Con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1

Hà Thị Thu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5952-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213.391.108.079	168.428.520.668
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	68.069.790.060	56.810.251.812
1. Tiền	111		31.694.742.612	22.995.885.540
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.375.047.448	33.814.366.272
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.861.929.370	35.877.744.978
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	42.861.929.370	35.877.744.978
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.165.579.892	21.426.630.796
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18.418.660.226	11.428.524.302
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.730.704.075	6.913.140.647
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.825.180.579	4.842.671.170
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4	(1.808.964.988)	(1.757.705.323)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	58.587.630.876	51.485.998.377
1. Hàng tồn kho	141		60.168.059.747	52.490.517.100
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.580.428.871)	(1.004.518.723)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.706.177.881	2.827.894.705
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.724.036.428	2.372.723.264
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.501.464.298	434.640.278
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	3.480.677.155	20.531.163
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		734.244.527.273	642.436.703.236
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	165.071.565	165.071.565
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5b	(165.071.565)	(165.071.565)
II. Tài sản cố định	220		647.682.724.954	576.763.014.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	647.317.059.145	576.397.348.805
- Nguyên giá	222		1.389.218.819.027	1.241.168.559.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(741.901.759.882)	(664.771.210.880)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	365.665.809	365.665.809
- Nguyên giá	228		1.592.515.809	1.592.515.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.226.850.000)	(1.226.850.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		67.701.466.002	43.678.565.113
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	67.701.466.002	43.678.565.113
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		883.648.947	883.648.947
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	883.648.947	883.648.947
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.976.687.370	21.111.474.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	17.976.687.370	21.111.474.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		947.635.635.352	810.865.223.904

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		345.039.112.741	241.964.517.198
I. Nợ ngắn hạn	310		182.324.313.448	142.495.276.707
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	16.444.623.794	18.734.070.934
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.609.109.769	396.962.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	7.996.583.316	7.710.862.521
4. Phải trả người lao động	314		25.431.113.534	23.591.574.082
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.102.185.605	2.297.449.739
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	28.929.630
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	8.652.758.919	2.016.026.309
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	101.666.876.499	74.286.766.161
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	9.271.044.000	8.459.812.104
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.150.018.012	4.972.822.513
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		162.714.799.293	99.469.240.491
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	481.866.383	441.866.383
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	154.932.932.910	95.227.374.108
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		7.300.000.000	3.800.000.000

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		602.596.522.611	568.900.706.706
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	602.596.522.611	568.900.706.706
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000	280.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.856.205.581	6.856.205.581
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		58.479.263.124	47.517.488.290
5. Cổ phiếu quỹ	415		(10.447.685)	(10.447.685)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		94.184.820.745	68.032.867.521
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.605.978.663	92.997.187.849
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.675.295.794	4.545.507.594
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		73.930.682.869	88.451.680.255
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	276.000.000
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		79.480.702.183	73.231.405.150
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		947.635.635.352	810.865.223.904

Phan Thị Phụng

Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên

Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	458.422.639.528	495.575.540.396
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	458.422.639.528	495.575.540.396
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	229.622.863.139	243.822.295.250
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		228.799.776.389	251.753.245.146
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.741.208.167	1.330.659.522
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	11.706.688.149	9.457.581.869
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.706.688.149	9.457.581.869
8. Phần lãi / (hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	47.287.436.604	50.527.619.208
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	60.359.847.209	56.877.954.708
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		112.187.012.594	136.220.748.883
12. Thu nhập khác	31	VI.7	3.309.112.153	2.804.583.272
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.735.862.046	7.408.347.406
14. Lợi nhuận khác / (lỗ) (40 = 31 - 32)	40		(426.749.893)	(4.603.764.134)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		111.760.262.701	131.616.984.749
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	23.077.439.411	28.269.609.561
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		88.682.823.290	103.347.375.188
Cổ đông của Công ty mẹ	61		74.033.653.758	88.451.680.255
Cổ đông không kiểm soát	62		14.649.169.532	14.895.694.933
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.373	2.905
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.373	2.905

Phan Thị Phụng

Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên

Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

117 | Báo cáo thường niên 2025

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ | 118

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		111.760.262.701	131.616.984.749
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	86.449.738.257	73.804.491.154
- Các khoản dự phòng	03	VI.3,6	1.443.520.314	(5.677.646.331)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.985.313.323)	(166.268.596)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11.706.688.149	9.457.581.869
- Các khoản điều chỉnh khác	07		3.500.000.000	3.800.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		210.874.896.098	212.835.142.845
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(19.530.850.664)	(2.378.156.359)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(7.677.542.647)	20.540.691.562
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(22.019.891.818)	(5.038.255.747)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2.783.474.028	(11.736.548.255)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.631.448.560)	(9.471.975.341)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14a	(23.224.376.722)	(31.509.459.391)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.167.806.745)	(2.734.677.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		126.406.452.970	170.506.762.314
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(152.782.835.979)	(89.346.740.802)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.931.674.350	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(65.000.000.000)	(47.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		58.039.452.055	13.129.205.508
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.238.555.812	635.033.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(155.573.153.762)	(122.582.501.507)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		856.730.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		247.736.010.541	170.185.207.004
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(160.650.341.401)	(169.349.183.879)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(47.516.160.100)	(23.124.484.563)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.426.239.040	(22.288.461.438)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		11.259.538.248	25.635.799.369
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		56.810.251.812	31.174.452.443
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	68.069.790.060	56.810.251.812

Phan Thị Phụng
Người lập biểu

Diệp Tôn Kiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2026



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát nước Cần Thơ theo Quyết định số 3602/QĐ-UBND, ngày 08/12/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ, và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800155244, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 6 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 6 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính Công ty.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 455 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 456 nhân viên).

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1. Tổng số các Công ty con

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02 công ty con.

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	65,42%	65,42%	65,42%
Địa chỉ: Lô 12A, Khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.				
Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	85,81%	85,81%	85,81%
Địa chỉ: 392 Quốc lộ 91, Long Thạnh A, phường Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.				

7. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

7.3. Danh sách các công ty liên kết áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ	Sản xuất, kinh doanh ống uPVC, phụ kiện HDPE phục vụ ngành cấp thoát nước	30%	30%	30%
Địa chỉ: Đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.				

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa năm tài chính tương ứng.

9. Áp dụng cơ sở hoạt động liên tục trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần trong ít nhất 12 tháng tới kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ và các công ty Con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con và chấm dứt vào ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng năm tài chính với Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Công ty, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty Con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm kế toán với Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất nước, xây lắp...

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

6.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Nhóm Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>04 - 30 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>03 - 20 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>04 - 30 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>03 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>03 - 10 năm</i>

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí thi công công trình, xây dựng, công trình mạng lưới cấp nước, chi phí sửa chữa lớn ...

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (80% đến 90% giá trị đề nghị quyết toán, tùy theo từng công trình) khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định này sẽ được điều chỉnh và ghi nhận đầy đủ theo giá trị quyết toán công trình hoàn thành.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Nhóm Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Nhóm Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí thủy lượng kế và các chi phí khác, ...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất tại KCN Trà Nóc trong 408 tháng (đến năm 2046) và huyện Cờ Đỏ trong 597 tháng (đến năm 2071).

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Nhóm Công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Nhóm Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Nhóm Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi năm kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm trích trước lãi vay, trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí thay đồng hồ đến hạn và các khoản chi phí khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

13. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Nhóm Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Nhóm Công ty bao gồm dự phòng tiền lương.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê vị trí đặt biển quảng cáo, cung cấp dịch vụ thi công công trình.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Nhóm Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Nhóm Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần và vốn khác

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Nhóm Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Nhóm Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng là 20%.

Công ty đã được thanh tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đến năm 2023.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	31.694.742.612	22.995.885.540
Tiền mặt	345.045.326	441.335.309
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.349.697.286	22.554.550.231
Các khoản tương đương tiền	36.375.047.448	33.814.366.272
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng (Lãi suất từ 1,5%/năm - 4,7%/năm)	36.375.047.448	33.814.366.272
Cộng	68.069.790.060	56.810.251.812

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem thuyết minh trang 43.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu tiền nước Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ	5.504.064.663	(318.583.222)	5.396.438.163	(269.823.167)
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Ninh Kiều	4.073.660.278	-	-	-
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (xem thuyết minh X.3)	3.190.797.000	-	-	-
Các khách hàng khác	110.778.478	(110.778.478)	110.778.478	(110.778.478)
Cộng	5.539.359.807	(1.279.060.188)	5.921.307.661	(1.259.203.508)
	18.418.660.226	(1.708.421.888)	11.428.524.302	(1.639.805.153)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Quyết Thắng	6.480.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	5.831.980.049	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	2.418.724.026	(100.543.100)	6.913.140.647	(117.900.170)
Cộng	14.730.704.075	(100.543.100)	6.913.140.647	(117.900.170)
5. Phải thu khác	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.825.180.579	-	4.842.671.170	-
Tạm ứng	2.094.988.562	-	4.247.333.658	-
Lãi dự thu	569.580.086	-	426.377.247	-
Các đối tượng khác	160.611.931	-	168.960.265	-
b. Dài hạn	165.071.565	(165.071.565)	165.071.565	(165.071.565)
Các đối tượng khác	165.071.565	(165.071.565)	165.071.565	(165.071.565)
Cộng	2.990.252.144	(165.071.565)	5.007.742.735	(165.071.565)
6. Nợ xấu: xem thuyết minh trang 44.				
7. Hàng tồn kho	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	39.783.737.834	(931.599.583)	42.889.046.328	(355.689.435)
Chi phí SX, KD dở dang	20.384.321.913	(648.829.288)	9.601.470.772	(648.829.288)
Cộng	60.168.059.747	(1.580.428.871)	52.490.517.100	(1.004.518.723)
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.				
- Giá trị hàng tồn kho (nguyên vật liệu) ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ cuối năm: 2.470.338.914 VND.				
- Lý do dẫn đến việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho: tồn lâu năm, kỹ thuật lạc hậu và khó có khả năng tiêu thụ.				
8. Tài sản cố định hữu hình: xem thuyết minh trang 45.				
9. Tài sản cố định vô hình				
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng	
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	365.665.809	1.226.850.000	1.592.515.809	
Số dư cuối năm	365.665.809	1.226.850.000	1.592.515.809	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	1.226.850.000	1.226.850.000	
Số dư cuối năm	-	1.226.850.000	1.226.850.000	
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	365.665.809	-	365.665.809	
Số dư cuối năm	365.665.809	-	365.665.809	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)				
* Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.				
* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.226.850.000 VND.				
10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	31/12/2025		01/01/2025	
Mua sắm tài sản cố định	2.581.172.000		2.581.172.000	
Xây dựng cơ bản	64.942.219.919		39.939.496.564	
Các công trình mạng lưới cấp nước	45.978.457.408		26.738.631.765	
Các công trình xây dựng	18.963.762.511		13.200.864.799	
Sửa chữa lớn tài sản cố định	178.074.083		1.157.896.549	
Cộng	67.701.466.002		43.678.565.113	
11. Chi phí trả trước	31/12/2025		01/01/2025	
a. Ngắn hạn	2.724.036.428		2.372.723.264	
Chi phí công cụ dụng cụ	1.482.346.976		979.583.402	
Chi phí sửa chữa, lắp đặt và di dời	1.196.723.982		1.393.139.862	
Các khoản chi phí khác	44.965.470		-	
b. Dài hạn	17.976.687.370		21.111.474.562	
Chi phí sửa chữa, lắp đặt và di dời	8.574.822.390		10.029.635.869	
Chi phí phân bổ đồng hồ thuê bao	2.378.027.445		1.276.096.333	
Chi phí công cụ dụng cụ	2.242.519.416		4.506.787.553	
Chi phí thuê đất xây dựng nhà máy (*)	3.131.706.459		3.256.884.087	
Chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa	-		1.974.721.966	
Các khoản chi phí khác	1.649.611.660		67.348.754	
Cộng	20.700.723.798		23.484.197.826	
(*) Đây là chi phí thuê đất trả tiền một lần tại Khu Công nghiệp Trà Nóc đến năm 2046 và tại nhà máy nước huyện Cờ Đỏ đến năm 2071.				
12. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	2.027.886.600	2.027.886.600	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Owa Việt Nam	2.024.339.664	2.024.339.664	-	-
Công ty Cổ phần Nam Quốc	1.628.431.332	1.628.431.332	-	-
Các nhà cung cấp khác	10.763.966.198	10.763.966.198	18.734.070.934	18.734.070.934
Cộng	16.444.623.794	16.444.623.794	18.734.070.934	18.734.070.934
13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
Phòng Quản lý đô thị quận Ninh Kiều	2.218.253.365		-	
Các khách hàng khác	390.856.404		396.962.714	
Cộng	2.609.109.769		396.962.714	

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	149.990.657	3.432.326.392	3.511.562.392	70.754.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.859.062.262	23.077.439.411	23.224.376.722	3.712.124.951
Thuế thu nhập cá nhân	263.497.527	4.039.577.676	3.611.027.177	692.048.026
Thuế tài nguyên	165.282.040	1.993.780.400	1.996.546.320	162.516.120
Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt	2.275.592.423	27.733.840.514	27.680.203.743	2.329.229.194
Phí BVMT rừng	997.437.612	7.845.369.507	7.836.706.751	1.006.100.368
Các khoản thuế khác	-	1.725.742.389	1.701.932.389	23.810.000
Cộng	7.710.862.521	69.848.076.289	69.562.355.494	7.996.583.316
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	7.626.075	-	-	7.626.075
Tiền thuế đất	-	-	3.473.051.080	3.473.051.080
Thuế thu nhập cá nhân	12.905.088	12.905.088	-	-
Cộng	20.531.163	12.905.088	3.473.051.080	3.480.677.155
Nghĩa vụ của Công ty về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật, các văn bản dưới luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cụ thể của cơ quan thuế.				
Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng				
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ/trực tiếp. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:				
	Mức thuế suất			
- Dịch vụ khác	0%			
- Dịch vụ sản xuất nước	5%			
- Dịch vụ thoát nước và các dịch vụ khác.	10%			
Trong năm, Công ty được giảm thuế giá trị gia tăng đối với các dịch vụ mà Công ty cung cấp theo Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024, Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025, Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng.				
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.				
Các loại thuế khác				
Công ty kê khai và nộp theo quy định.				
15. Chi phí phải trả ngắn hạn				
	31/12/2025	01/01/2025		
Trích trước chi phí lãi vay	289.368.680	214.129.091		
Trích trước chi phí điện	727.440.421	647.113.144		
Chi phí phải trả khác	1.085.376.504	1.436.207.504		
Cộng	2.102.185.605	2.297.449.739		

16. Phải trả khác			31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn			8.652.758.919	2.016.026.309
Kinh phí công đoàn			63.387.000	62.842.000
Cổ tức phải trả			982.250.034	896.217.732
Nhận ký quỹ ký cược			308.500.000	168.000.000
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt			412.823.927	412.823.927
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)			6.885.797.958	476.142.650
b. Dài hạn			481.866.383	441.866.383
Nhận ký quỹ ký cược			163.300.000	123.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác			318.566.383	318.566.383
Cộng			9.134.625.302	2.457.892.692

(*) Chủ yếu là khoản tiền thu từ bồi thường di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt.

17. Vay và nợ thuê tài chính		31/12/2025		01/01/2025	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
		101.666.876.499	101.666.876.499	74.286.766.161	74.286.766.161
<i>Vay ngắn hạn</i>		68.295.826.304	68.295.826.304	47.975.130.161	47.975.130.161
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ		66.431.919.968	66.431.919.968	47.975.130.161	47.975.130.161
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ		39.067.938.894	39.067.938.894	25.679.011.193	25.679.011.193
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ		27.363.981.074	27.363.981.074	22.296.118.968	22.296.118.968
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn		1.863.906.336	1.863.906.336	-	-
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ		1.863.906.336	1.863.906.336	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		33.371.050.195	33.371.050.195	26.311.636.000	26.311.636.000
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ		29.076.190.195	29.076.190.195	21.616.732.000	21.616.732.000
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ		17.489.915.172	17.489.915.172	13.388.732.000	13.388.732.000
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ		3.689.509.728	3.689.509.728	-	-
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Cần Thơ		7.896.765.295	7.896.765.295	8.228.000.000	8.228.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Nước Trà Nóc - Ô Môn	1.883.904.000	1.883.904.000	1.776.504.000	1.776.504.000
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	1.223.400.000	1.223.400.000	1.116.000.000	1.116.000.000
(5) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tây Đô	660.504.000	660.504.000	660.504.000	660.504.000
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Nước Thốt Nốt	2.410.956.000	2.410.956.000	2.918.400.000	2.918.400.000
(6) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ	1.533.956.000	1.533.956.000	444.000.000	444.000.000
(7) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	877.000.000	877.000.000	2.474.400.000	2.474.400.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	154.932.932.910	154.932.932.910	95.227.374.108	95.227.374.108
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ	138.251.654.399	138.251.654.399	86.051.948.288	86.051.948.288
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ	95.247.070.279	95.247.070.279	68.365.618.589	68.365.618.589
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ	20.664.928.302	20.664.928.302	-	-
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Cần Thơ	22.339.655.818	22.339.655.818	17.686.329.699	17.686.329.699
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn	9.162.907.854	9.162.907.854	6.964.425.820	6.964.425.820
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ	8.547.597.290	8.547.597.290	5.688.611.256	5.688.611.256
(5) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Tây Đô	615.310.564	615.310.564	1.275.814.564	1.275.814.564
+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt	7.518.370.657	7.518.370.657	2.211.000.000	2.211.000.000
(6) Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN. Cần Thơ	7.518.370.657	7.518.370.657	1.334.000.000	1.334.000.000
(7) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Tây Cần Thơ	-	-	877.000.000	877.000.000
Cộng	256.599.809.409	256.599.809.409	169.514.140.269	169.514.140.269

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh chi tiết các khoản vay như sau:

+ Tại Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN. Cần Thơ gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
58/DN/HM/2023	24/01/2025 12 tháng	4,80%	39.067.938.894	Nhà cửa, vật kiến trúc và các máy móc thiết bị
05/2018-VCBCT	12/02/2018 180 tháng	9,00%	3.518.000.000	
86/DN/TL/2018	24/8/2018 172 tháng	9,00%	3.896.000.000	Tài sản hình thành trong tương lai
97/DN/TDH/2019	18/6/2019 162 tháng	9,00%	666.600.000	
76/DN/TDH/2018	16/8/2018 120 tháng	9,00%	955.000.000	Hệ thống phương tiện vận tải
134/DN/TDH/2018	31/10/2018 120 tháng	9,00%	1.151.000.000	
136/DN/TDH/2018	25/10/2018 120 tháng	9,00%	1.007.429.875	Hệ thống phương tiện vận tải
171/DN/TDH/2018	26/12/2018 120 tháng	9,00%	1.678.785.545	
186/DN/TDH/2019	10/01/2019 120 tháng	7,50%	784.182.000	
146/DN/TDH/2019	27/8/2019 120 tháng	8,80%	1.653.853.284	Tài sản hình thành trong tương lai
167/DN/TDH/2019	16/9/2019 120 tháng	8,80%	1.597.816.562	
218/DN/TDH/2019	24/12/2019 120 tháng	8,80%	1.868.129.044	
15/DN/TDH/2020	22/01/2020 120 tháng	8,80%	443.854.328	
22/DN/TDH/2020	08/4/2020 120 tháng	8,80%	789.000.000	Tài sản hình thành trong tương lai
58/DN/TDH/2020	28/4/2020 120 tháng	8,80%	1.409.385.800	
103/DN/TDH/2020	20/10/2020 120 tháng	7,80%	527.078.220	
92/DN/TDH/2020	15/9/2020 120 tháng	7,20%	1.752.098.191	Hệ thống phương tiện vận tải
117/DN/TDH/2020	30/11/2020 120 tháng	7,00%	516.215.483	
122/DN/TDH/2020	14/12/2020 120 tháng	6,80%	649.454.522	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

30
H
V
T
C

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
130/DN/TDH/2020	25/12/2020 120 tháng	6,80%	167.929.841	Hệ thống phương tiện vận tải
133/DN/TDH/2020	31/12/2020 120 tháng	6,80%	291.500.000	
134/DN/TDH/2020	31/12/2020 120 tháng	6,80%	264.892.000	
09/DN/TDH/2021	27/01/2021 120 tháng	6,80%	1.010.499.500	
13/DN/TDH/2021	29/01/2021 120 tháng	6,80%	1.483.292.873	Hệ thống phương tiện vận tải
15/DN/TDH/2021	03/02/2021 120 tháng	6,80%	1.461.018.000	
32/DN/TDH/2021	02/4/2021 120 tháng	6,70%	217.300.000	
44/DN/TDH/2021	28/4/2021 120 tháng	6,70%	697.894.050	
129/DN/TDH/2021	28/12/2021 120 tháng	6,70%	1.028.752.000	Tài sản hình thành trong tương lai
125/DN/TDH/2021	23/12/2021 60 tháng	6,70%	507.770.620	Hệ thống phương tiện vận tải
114/DN/TDH/2021	17/11/2021 120 tháng	6,70%	851.000.000	
128/DN/TDH/2021	29/12/2021 120 tháng	6,70%	504.945.000	
115/DN/TDH/2021	24/11/2021 120 tháng	6,60%	322.000.000	
92/DN/TDH/2021	14/10/2021 120 tháng	6,70%	986.860.000	Hệ thống phương tiện vận tải
111/DN/TDH/2021	04/11/2021 120 tháng	6,70%	2.211.246.453	
107/DN/TDH/2021	27/10/2021 72 tháng	6,70%	783.600.000	
112/DN/TDH/2021	09/11/2021 120 tháng	6,70%	582.000.000	
116/DN/TDH/2021	07/12/2021 120 tháng	6,70%	430.524.698	Hệ thống phương tiện vận tải
114/DN/TDH/2021	28/4/2022 120 tháng	6,70%	1.839.150.000	
61/DN/TDH/2022	01/6/2022 120 tháng	7,90%	464.000.000	
62/DN/TDH/2022	01/6/2022 120 tháng	7,90%	1.376.472.700	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

30
H
V
T
C

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
85/DN/TDH/2022	11/8/2022 120 tháng	8,00%	484.000.000	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
86/DN/TDH/2022	04/8/2022 120 tháng	8,00%	361.500.000	
87/DN/TDH/2022	11/8/2022 120 tháng	8,00%	190.265.000	
88/DN/TDH/2022	11/8/2022 120 tháng	8,00%	277.200.000	
89/DN/TDH/2022	11/8/2022 120 tháng	8,00%	261.090.000	Tài sản hình thành trong tương lai
133/DN/TDH/2022	14/12/2022 120 tháng	10,70%	745.220.000	
134/DN/TDH/2022	08/12/2022 120 tháng	10,70%	3.559.480.000	
135/DN/TDH/2022	14/12/2022 120 tháng	10,70%	673.220.000	
136/DN/TDH/2022	08/12/2022 120 tháng	10,70%	577.072.000	Nhà cửa, vật kiến trúc và các máy móc thiết bị
29/DN/TDH/2023	07/4/2023 120 tháng	10,20%	654.825.000	
135/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	635.775.000	
136/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	1.731.418.000	
137/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	2.710.400.000	Các hệ thống tuyến ống cấp nước, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải
138/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	2.699.575.000	
139/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	3.561.888.000	
140/DN/TL/2023	29/11/2023 120 tháng	7,70%	5.042.560.000	
49/DN/TL/2024	17/6/2024 60 tháng	7,10%	1.853.600.000	Tài sản hình thành trong tương lai
60/DN/TDH/2025	23/6/2025 120 tháng	7,10%	3.446.133.000	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
61/DN/TDH/2025	23/6/2025 120 tháng	6,60%	602.644.000	
62/DN/TDH/2025	23/6/2025 120 tháng	6,60%	577.956.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
63/DN/TDH/2025	23/6/2025 120 tháng	6,60%	942.692.000	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
64/DN/TDH/2025	23/6/2025 120 tháng	6,60%	808.312.000	
65/DN/TDH/2025	23/6/2025 120 tháng	6,60%	4.992.414.000	
109/DN/TL/2025	27/8/2025 120 tháng	5,60%	367.044.000	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
110/DN/TL/2026	27/8/2025 120 tháng	5,60%	527.378.000	
111/DN/TL/2026	27/8/2025 120 tháng	5,60%	2.149.744.000	
112/DN/TL/2026	27/8/2025 120 tháng	5,60%	1.237.976.000	
113/DN/TL/2026	27/8/2025 120 tháng	5,60%	1.557.648.000	
138/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	6.197.100.000	
139/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	1.636.050.000	
140/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	982.800.000	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
141/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	594.750.000	
142/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	794.625.000	
143/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	6.630.000.000	
144/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	599.625.000	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
145/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	437.775.000	
146/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	584.025.000	
147/DN/TL/2025	30/9/2025 120 tháng	6,50%	2.792.275.862	
173/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	610.350.000	
170/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	728.325.000	
175/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	297.375.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
174/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	625.950.000	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
168/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	583.050.000	
169/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	1.151.475.000	
177/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	360.750.000	
172/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	275.925.000	
171/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	608.400.000	
176/DN/TL/2025	31/10/2025 120 tháng	6,50%	670.800.000	

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN. Cần Thơ theo hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
032/2025- HĐCVHM/NHCT820	15/5/2025 12 tháng	4,80%	27.363.981.074	Tín chấp
01/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	24/7/2025	6,70%	6.141.666.665	Thiết bị trung tâm giám sát và ứng dụng công nghệ - chuyển đổi số (Trung tâm MDC)
02/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	31/7/2025	6,70%	7.858.619.050	Phương tiện vận tải
03/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	22/8/2025	6,70%	2.963.666.668	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
04/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	21/8/2025	6,70%	826.388.888	
05/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	28/11/2025	6,70%	3.085.623.412	Hệ thống phương tiện truyền dẫn
06/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	28/11/2025	6,70%	1.350.463.903	
07/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	28/11/2025	6,70%	157.742.058	
08/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	28/11/2025	6,70%	982.267.386	
09/2025- HĐCVDADT/NHCT820-CTN	22/12/2025	6,70%	988.000.000	

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Cần Thơ gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
001/2022/447218/HĐTD	17/8/2022 84 tháng	6,83%	224.482.607	Tuyến ống cấp nước D280, D63, HDPE cúp ống cũ - Thực hiện chính sách đồng hồ cũ
002/2022/447218/HĐTD	12/10/2022 84 tháng	7,00%	539.599.151	Tuyến ống cấp nước D315, D110, D63 HDPE - cúp ống cũ - Thực hiện chính sách đồng hồ cũ
001/2023/447218/HĐTD	06/6/2023 84 tháng	7,20%	2.474.700.000	
002/2023/447218/HĐTD	27/6/2023 84 tháng	7,70%	1.621.050.000	
003/2023/447218/HĐTD	11/8/2023 84 tháng	7,20%	2.185.840.000	
004/2023/447218/HĐTD	21/9/2023 84 tháng	7,20%	732.683.537	Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai
001/2024/447218/HĐTD	28/02/2024 72 tháng	7,60%	3.910.551.936	
11/2024/447218/HĐTD	06/11/2024 84 tháng	8,00%	9.948.300.633	
09/2025/447218/HĐTD	30/9/2025 96 tháng	6,50%	8.599.213.249	

+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
31/2020/HĐTL-VCBTCT	29/9/2020 120 tháng	8,2%	2.483.310.898	Hệ thống bể chứa nước sạch dung tích 2.500 m3 nhà máy nước Trà Nóc
13/2023/HĐTL-VCBTCT	12/6/2023 120 tháng	8,2%	3.205.300.359	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
28/2025/HĐHM-VCBTCT-17/10/2025	17/10/2025 170 ngày	6% - 6,8%	1.863.906.336	Hệ thống cấp nước các tuyến ống và máy móc thiết bị
29/2025/HĐHM-VCBTCT	17/10/2025 120 tháng	7,2%	4.082.386.033	Nhà máy nước Trà Nóc

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
01/2020 - HĐCVDADT/NHCT824 - CTCP-CAP-NUOC-TRA-NOC-O-MON	30/9/2020 84 tháng	12,50%	1.275.814.564	Hệ thống năng lượng mặt trời, hệ thống tuyến ống D400 gang, 300 gang, D315HDPE, 200, 168, 144, 60 PVC tại huyện Cờ Đỏ.

+ Tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Cần Thơ theo hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
72/2023-HĐCVDADT/NHCT 820 - CTY CAP NUOC THOT NOT	12/01/2024 60 tháng	7,00%	1.334.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
Hợp đồng tín dụng số 12-TN/2025HĐCVDADT/NHCT8 20-CTY CAP NUOC THOT NOT	01/01/2025 84 tháng	5,60%	1.168.500.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
131-TN/2025-HĐCVDADT/NHCT820	12/8/2025 (84 tháng)	6,00%	4.249.826.657	Tài sản hình thành từ vốn vay gồm 4 công trình: + Tuyến ống cấp nước an toàn Thốt Nốt - Ô Môn (ML01/25 + ML04/24 + ML06/24 + TB02/24); + Mở rộng mạng lưới Thốt Nốt; + Nâng cấp mạng lưới cấp nước Quận Thốt Nốt; + Khu tái định cư phường Thới Thuận (giai đoạn 2)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
154-TN/2025- HĐCVDADT/NHCT820	05/9/2025 (84 tháng)	7,7%	2.300.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay gồm 3 gói đầu tư + Công trình Thu gom, xử lý và vận chuyển bùn thải trong khu sản xuất (MC01/25); + Tu bổ sửa chữa trạm cấp nước Vĩnh Thạnh (MC01/24); + Lắp đặt mới và điều chuyển máy bơm, trạm bơm cấp 1 (MC03/25)

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN. Tây Cần Thơ gồm các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày vay/ Thời hạn vay	Lãi suất vay (%/năm)	Số dư cuối năm (VND)	Hình thức đảm bảo
01/2021-HĐTDH-VCBTCT- CTY CP CAP NUOC THOT NOT	21/01/2021 84 tháng	7,00%	103.800.000	Hệ thống cấp nước an toàn quận Thốt Nốt giai đoạn 1 từ Nhà máy nước Thốt Nốt đến cầu Bằng Lăng (ML09/20)
03/2021/HĐTDH/VCBTCT- CTY CP CAP NUOC THOT NOT	09/6/2021 84 tháng	7,00%	773.200.000	Hệ thống cấp nước an toàn quận Thốt Nốt giai đoạn 2 từ cầu Bằng Lăng đến cầu Trại Mai (ML14/20) và hệ thống phương tiện vận tải

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Dự phòng tiền lương	9.271.044.000	8.459.812.104
Cộng	9.271.044.000	8.459.812.104

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem thuyết minh trang 46.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2025	01/01/2025
Vốn góp Nhà nước	51,00%	142.800.000.000	142.800.000.000
Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	24,64%	69.000.000.000	69.000.000.000
Công ty Cổ phần Nước Thù Dầu Một	22,96%	64.299.000.000	64.299.000.000
Các đối tượng khác	1,39%	3.901.000.000	3.901.000.000
Cộng	100,00%	280.000.000.000	280.000.000.000

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.400 cổ phiếu.

* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không phát sinh.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu
và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

d. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu được mua lại

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

Cộng

* Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng
quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân
đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Cộng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu tiêu thụ nước và thoát nước

Doanh thu lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng, ...

Doanh thu khác

Cộng

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu thuần về tiêu thụ nước và thoát nước

Doanh thu thuần về lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng, ...

Doanh thu thuần khác

Cộng

	Năm 2025	Năm 2024
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn tiêu thụ nước và thoát nước	222.059.189.430	235.579.184.956
Giá vốn lắp đặt, chuyển nhượng vật tư, công trình xây dựng, ...	6.190.091.259	6.210.295.076
Giá vốn khác	797.672.302	7.905.564.489
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	575.910.148	(5.872.749.271)
Cộng	229.622.863.139	243.822.295.250
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	2.741.208.167	1.330.659.522
Cộng	2.741.208.167	1.330.659.522
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	11.706.688.149	9.457.581.869
Cộng	11.706.688.149	9.457.581.869
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	23.375.992.443	21.689.630.639
Chi phí vật liệu, đồ dùng	23.911.444.161	28.837.988.569
Cộng	47.287.436.604	50.527.619.208
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	32.604.649.933	27.738.136.646
Chi phí vật liệu quản lý	1.127.923.581	731.106.872
Chi phí vật liệu văn phòng	1.269.399.896	1.943.273.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.067.014	237.499.251
Thuế, phí, lệ phí	1.683.535.355	1.299.735.182
Dự phòng phải thu khó đòi	56.378.270	308.920.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.096.397.358	967.666.297
Chi phí bằng tiền khác	22.248.495.802	23.651.616.436
Cộng	60.359.847.209	56.877.954.708
7. Thu nhập khác		
Nhận bồi thường, hỗ trợ	953.589.177	1.627.256.392
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.931.674.350	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu	47.443.813	73.345.833
Các khoản thu nhập khác	376.404.813	1.103.981.047
Cộng	3.309.112.153	2.804.583.272

	Năm 2025	Năm 2024
8. Chi phí khác		
Chi phí hỗ trợ công tác	1.754.836.620	3.823.280.000
Chi phí hỗ trợ công tác xã hội	444.200.000	419.896.296
Tiền chậm nộp thuế, các khoản phạt	463.081.671	55.343.304
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	464.843.167	364.921.256
Chi phí di dời tuyến ống cấp nước	157.955.694	2.216.839.661
Các khoản chi phí khác	450.944.894	528.066.889
Cộng	3.735.862.046	7.408.347.406
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.674.869.369	44.713.110.650
Chi phí nhân công	120.878.552.685	103.811.289.208
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.449.738.257	73.804.491.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.138.442.105	26.549.626.779
Chi phí khác bằng tiền	63.097.965.345	65.101.179.125
Cộng	342.239.567.761	313.979.696.916
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.077.439.411	28.269.609.561
2. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.077.439.411	28.269.609.561
11. Lãi cơ bản & lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	74.033.653.758	88.451.680.255
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm (*)	(7.589.531.428)	(7.113.330.701)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.444.122.330	81.338.349.554
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.998.600	27.998.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.373	2.905
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.373	2.905
(*) Công ty tạm ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác năm 2025 theo phương án phân phối lợi nhuận kế hoạch năm 2025 tại Nghị quyết đại hội cổ đông để tạm tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2025.		

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Nhóm Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ và các khoản tiền gửi ngân hàng) của Nhóm Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản trên) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025		
VND	+100	(1.460.131.353)
	-100	1.460.131.353
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		
VND	+100	(772.674.788)
	-100	772.674.788

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Nhóm Công ty không sử dụng bất nắm công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
>181 ngày	2.037.619.247
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.037.619.247
Dự phòng giảm giá trị	(1.974.036.553)
Giá trị thuần	63.582.694
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
>181 ngày	2.075.625.185
Tổng cộng giá trị ghi sổ	2.075.625.185
Dự phòng giảm giá trị	(1.922.776.888)
Giá trị thuần	152.848.297

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Các khoản vay và nợ	101.666.876.499	102.389.932.597	52.543.000.313	256.599.809.409
Phải trả người bán	16.444.623.794	-	-	16.444.623.794
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	10.691.557.524	481.866.383	-	11.173.423.907
Cộng	128.803.057.817	102.871.798.980	52.543.000.313	284.217.857.110
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Các khoản vay và nợ	74.286.766.161	87.427.787.609	7.799.586.499	169.514.140.269
Phải trả người bán	18.734.070.934	-	-	18.734.070.934
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	4.250.634.048	441.866.383	-	4.692.500.431
Cộng	97.271.471.143	87.869.653.992	7.799.586.499	192.940.711.634

Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tài sản cố định hữu hình và tài sản hình thành trong tương lai của Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Cần Thơ, Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn, Công ty Cổ phần Cấp nước Thốt Nốt làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nhóm Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: xem thuyết minh trang 47.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, nợ phải trả ngắn hạn, vay và nợ ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của các tài sản dài hạn và nợ phải trả tài chính dài hạn đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**
- Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải có thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.
- 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**
- Ngày 25/02/2026, Công ty mẹ đã chào bán thành công 1.400 cổ phiếu quỹ (giá trị ghi sổ là 10.000 đồng/cổ phần) với giá bán là 24.986 đồng/cổ phần theo quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua ngày 29 tháng 10 năm 2025. Giao dịch bán cổ phiếu này làm tăng thặng dư vốn cổ phần của Công ty thêm 20.980.400 VND.
- Ngoài ra, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan			
Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:			
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2025	Năm 2024
Hội đồng Quản trị		1.652.081.630	1.405.193.600
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Chủ tịch HĐQT	1.101.281.630	913.593.600
Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Thành viên HĐQT	116.100.000	139.100.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên HĐQT	159.300.000	117.500.000
Ông Trịnh Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	116.100.000	117.500.000
Ông Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 17/6/2025)	108.900.000	117.500.000
Ông Trần Thế Hưng	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 17/6/2025)	50.400.000	-
Ban kiểm soát		1.699.564.475	1.338.185.408
Bà Lâm Nguyệt Thanh	Trưởng ban kiểm soát	796.001.941	680.745.600
Bà Ngô Hồng Hạnh	Thành viên ban kiểm soát	781.562.534	572.189.808
Ông Mai Song Hào	Thành viên ban kiểm soát	122.000.000	85.250.000
Ban Tổng Giám đốc		2.978.371.941	2.433.935.909
Ông Nguyễn Tùng Nguyên	Tổng Giám đốc	754.190.000	597.166.000
Ông Trịnh Hữu Phúc	Phó Tổng giám đốc	670.540.000	489.948.709
Ông Huỳnh Thiện Đình	Phó Tổng giám đốc	754.040.000	666.075.600
Ông Nguyễn Minh Phương	Phó Tổng giám đốc	799.601.941	680.745.600
Cộng		6.330.018.046	5.177.314.917

- 4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận**
- Nhóm Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nước, đồng thời doanh thu chủ yếu của Nhóm Công ty chỉ phát sinh ở địa bàn Thành phố Cần Thơ, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.
- 5. Thông tin so sánh**
- Một số chỉ tiêu so sánh trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày lại, không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh.
- Liên quan đến việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2024	Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.881	2.905	24
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.881	2.905	24

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

Phan Thị Phụng

Người lập biểu

Tp. Cần Thơ, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Điệp Tôn Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Tùng Nguyên

Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng
(Lãi suất 4,0%/năm - 4,8%/năm)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	42.861.929.370	42.861.929.370	35.877.744.978	35.877.744.978
Cộng	42.861.929.370	42.861.929.370	35.877.744.978	35.877.744.978

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Giá gốc	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết
- Đầu tư vào công ty liên kết				
+ Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ (*)	3.000.000.000	(2.116.351.053)	883.648.947	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	(2.116.351.053)	883.648.947	(2.116.351.053)
				883.648.947

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800661071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến Cần Thơ là 3.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Hiện tại, công ty này đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Giá trị thuần đầu tư vào công ty này đang được Công ty thể hiện theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2013 (theo thông báo kết quả kiểm toán số 44/TB-KVV ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V).

(**) Giá trị hợp lý tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 của các khoản đầu tư vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý của từng khoản mục đầu tư. Do vậy, Nhóm Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty được đầu tư lần lượt theo phương pháp vốn chủ và phương pháp giá gốc trừ phòng suy giảm.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

12.1 12.2 12.3 12.4 12.5 12.6 12.7 12.8 12.9 13.0 13.1 13.2 13.3 13.4 13.5 13.6 13.7 13.8 13.9 14.0 14.1 14.2 14.3 14.4 14.5 14.6 14.7 14.8 14.9 15.0 15.1 15.2 15.3 15.4 15.5 15.6 15.7 15.8 15.9 16.0 16.1 16.2 16.3 16.4 16.5 16.6 16.7 16.8 16.9 17.0 17.1 17.2 17.3 17.4 17.5 17.6 17.7 17.8 17.9 18.0 18.1 18.2 18.3 18.4 18.5 18.6 18.7 18.8 18.9 19.0 19.1 19.2 19.3 19.4 19.5 19.6 19.7 19.8 19.9 20.0 20.1 20.2 20.3 20.4 20.5 20.6 20.7 20.8 20.9 21.0 21.1 21.2 21.3 21.4 21.5 21.6 21.7 21.8 21.9 22.0 22.1 22.2 22.3 22.4 22.5 22.6 22.7 22.8 22.9 23.0 23.1 23.2 23.3 23.4 23.5 23.6 23.7 23.8 23.9 24.0 24.1 24.2 24.3 24.4 24.5 24.6 24.7 24.8 24.9 25.0 25.1 25.2 25.3 25.4 25.5 25.6 25.7 25.8 25.9 26.0 26.1 26.2 26.3 26.4 26.5 26.6 26.7 26.8 26.9 27.0 27.1 27.2 27.3 27.4 27.5 27.6 27.7 27.8 27.9 28.0 28.1 28.2 28.3 28.4 28.5 28.6 28.7 28.8 28.9 29.0 29.1 29.2 29.3 29.4 29.5 29.6 29.7 29.8 29.9 30.0 30.1 30.2 30.3 30.4 30.5 30.6 30.7 30.8 30.9 31.0 31.1 31.2 31.3 31.4 31.5 31.6 31.7 31.8 31.9 32.0 32.1 32.2 32.3 32.4 32.5 32.6 32.7 32.8 32.9 33.0 33.1 33.2 33.3 33.4 33.5 33.6 33.7 33.8 33.9 34.0 34.1 34.2 34.3 34.4 34.5 34.6 34.7 34.8 34.9 35.0 35.1 35.2 35.3 35.4 35.5 35.6 35.7 35.8 35.9 36.0 36.1 36.2 36.3 36.4 36.5 36.6 36.7 36.8 36.9 37.0 37.1 37.2 37.3 37.4 37.5 37.6 37.7 37.8 37.9 38.0 38.1 38.2 38.3 38.4 38.5 38.6 38.7 38.8 38.9 39.0 39.1 39.2 39.3 39.4 39.5 39.6 39.7 39.8 39.9 40.0 40.1 40.2 40.3 40.4 40.5 40.6 40.7 40.8 40.9 41.0 41.1 41.2 41.3 41.4 41.5 41.6 41.7 41.8 41.9 42.0 42.1 42.2 42.3 42.4 42.5 42.6 42.7 42.8 42.9 43.0 43.1 43.2 43.3 43.4 43.5 43.6 43.7 43.8 43.9 44.0 44.1 44.2 44.3 44.4 44.5 44.6 44.7 44.8 44.9 45.0 45.1 45.2 45.3 45.4 45.5 45.6 45.7 45.8 45.9 46.0 46.1 46.2 46.3 46.4 46.5 46.6 46.7 46.8 46.9 47.0 47.1 47.2 47.3 47.4 47.5 47.6 47.7 47.8 47.9 48.0 48.1 48.2 48.3 48.4 48.5 48.6 48.7 48.8 48.9 49.0 49.1 49.2 49.3 49.4 49.5 49.6 49.7 49.8 49.9 50.0 50.1 50.2 50.3 50.4 50.5 50.6 50.7 50.8 50.9 51.0 51.1 51.2 51.3 51.4 51.5 51.6 51.7 51.8 51.9 52.0 52.1 52.2 52.3 52.4 52.5 52.6 52.7 52.8 52.9 53.0 53.1 53.2 53.3 53.4 53.5 53.6 53.7 53.8 53.9 54.0 54.1 54.2 54.3 54.4 54.5 54.6 54.7 54.8 54.9 55.0 55.1 55.2 55.3 55.4 55.5 55.6 55.7 55.8 55.9 56.0 56.1 56.2 56.3 56.4 56.5 56.6 56.7 56.8 56.9 57.0 57.1 57.2 57.3 57.4 57.5 57.6 57.7 57.8 57.9 58.0 58.1 58.2 58.3 58.4 58.5 58.6 58.7 58.8 58.9 59.0 59.1 59.2 59.3 59.4 59.5 59.6 59.7 59.8 59.9 60.0 60.1 60.2 60.3 60.4 60.5 60.6 60.7 60.8 60.9 61.0 61.1 61.2 61.3 61.4 61.5 61.6 61.7 61.8 61.9 62.0 62.1 62.2 62.3 62.4 62.5 62.6 62.7 62.8 62.9 63.0 63.1 63.2 63.3 63.4 63.5 63.6 63.7 63.8 63.9 64.0 64.1 64.2 64.3 64.4 64.5 64.6 64.7 64.8 64.9 65.0 65.1 65.2 65.3 65.4 65.5 65.6 65.7 65.8 65.9 66.0 66.1 66.2 66.3 66.4 66.5 66.6 66.7 66.8 66.9 67.0 67.1 67.2 67.3 67.4 67.5 67.6 67.7 67.8 67.9 68.0 68.1 68.2 68.3 68.4 68.5 68.6 68.7 68.8 68.9 69.0 69.1 69.2 69.3 69.4 69.5 69.6 69.7 69.8 69.9 70.0 70.1 70.2 70.3 70.4 70.5 70.6 70.7 70.8 70.9 71.0 71.1 71.2 71.3 71.4 71.5 71.6 71.7 71.8 71.9 72.0 72.1 72.2 72.3 72.4 72.5 72.6 72.7 72.8 72.9 73.0 73.1 73.2 73.3 73.4 73.5 73.6 73.7 73.8 73.9 74.0 74.1 74.2 74.3 74.4 74.5 74.6 74.7 74.8 74.9 75.0 75.1 75.2 75.3 75.4 75.5 75.6 75.7 75.8 75.9 76.0 76.1 76.2 76.3 76.4 76.5 76.6 76.7 76.8 76.9 77.0 77.1 77.2 77.3 77.4 77.5 77.6 77.7 77.8 77.9 78.0 78.1 78.2 78.3 78.4 78.5 78.6 78.7 78.8 78.9 79.0 79.1 79.2 79.3 79.4 79.5 79.6 79.7 79.8 79.9 80.0 80.1 80.2 80.3 80.4 80.5 80.6 80.7 80.8 80.9 81.0 81.1 81.2 81.3 81.4 81.5 81.6 81.7 81.8 81.9 82.0 82.1 82.2 82.3 82.4 82.5 82.6 82.7 82.8 82.9 83.0 83.1 83.2 83.3 83.4 83.5 83.6 83.7 83.8 83.9 84.0 84.1 84.2 84.3 84.4 84.5 84.6 84.7 84.8 84.9 85.0 85.1 85.2 85.3 85.4 85.5 85.6 85.7 85.8 85.9 86.0 86.1 86.2 86.3 86.4 86.5 86.6 86.7 86.8 86.9 87.0 87.1 87.2 87.3 87.4 87.5 87.6 87.7 87.8 87.9 88.0 88.1 88.2 88.3 88.4 88.5 88.6 88.7 88.8 88.9 89.0 89.1 89.2 89.3 89.4 89.5 89.6 89.7 89.8 89.9 90.0 90.1 90.2 90.3 90.4 90.5 90.6 90.7 90.8 90.9 91.0 91.1 91.2 91.3 91.4 91.5 91.6 91.7 91.8 91.9 92.0 92.1 92.2 92.3 92.4 92.5 92.6 92.7 92.8 92.9 93.0 93.1 93.2 93.3 93.4 93.5 93.6 93.7 93.8 93.9 94.0 94.1 94.2 94.3 94.4 94.5 94.6 94.7 94.8 94.9 95.0 95.1 95.2 95.3 95.4 95.5 95.6 95.7 95.8 95.9 96.0 96.1 96.2 96.3 96.4 96.5 96.6 96.7 96.8 96.9 97.0 97.1 97.2 97.3 97.4 97.5 97.6 97.7 97.8 97.9 98.0 98.1 98.2 98.3 98.4 98.5 98.6 98.7 98.8 98.9 99.0 99.1 99.2 99.3 99.4 99.5 99.6 99.7 99.8 99.9 100.0 100.1 100.2 100.3 100.4 100.5 100.6 100.7 100.8 100.9 101.0 101.1 101.2 101.3 101.4 101.5 101.6 101.7 101.8 101.9 102.0 102.1 102.2 102.3 102.4 102.5 102.6 102.7 102.8 102.9 103.0 103.1 103.2 103.3 103.4 103.5 103.6 103.7 103.8 103.9 104.0 104.1 104.2 104.3 104.4 104.5 104.6 104.7 104.8 104.9 105.0 105.1 105.2 105.3 105.4 105.5 105.6 105.7 105.8 105.9 106.0 106.1 106.2 106.3 106.4 106.5 106.6 106.7 106.8 106.9 107.0 107.1 107.2 107.3 107.4 107.5 107.6 107.7 107.8 107.9 108.0 108.1 108.2 108.3 108.4 108.5 108.6 108.7 108.8 108.9 109.0 109.1 109.2 109.3 109.4 109.5 109.6 109.7 109.8 109.9 110.0 110.1 110.2 110.3 110.4 110.5 110.6 110.7 110.8 110.9 111.0 111.1 111.2 111.3 111.4 111.5 111.6 111.7 111.8 111.9 112.0 112.1 112.2 112.3 112.4 112.5 112.6 112.7 112.8 112.9 113.0 113.1 113.2 113.3 113.4 113.5 113.6 113.7 113.8 113.9 114.0 114.1 114.2 114.3 114.4 114.5 114.6 114.7 114.8 114.9 115.0 115.1 115.2 115.3 115.4 115.5 115.6 115.7 115.8 115.9 116.0 116.1 116.2 116.3 116.4 116.5 116.6 116.7 116.8 116.9 117.0 117.1 117.2 117.3 117.4 117.5 117.6 117.7 117.8 117.9 118.0 118.1 118.2 118.3 118.4 118.5 118.6 118.7 118.8 118.9 119.0 119.1 119.2 119.3 119.4 119.5 119.6 119.7 119.8 119.9 120.0 120.1 120.2 120.3 120.4 120.5 120.6 120.7 120.8 120.9 121.0 121.1 121.2 121.3 121.4 121.5 121.6 121.7 121.8 121.9 122.0 122.1 122.2 122.3 122.4 122.5 122.6 122.7 122.8 122.9 123.0 123.1 123.2 123.3 123.4 123.5 123.6 123.7 123.8 123.9 124.0 124.1 124.2 124.3 124.4 124.5 124.6 124.7 124.8 124.9 125.0 125.1 125.2 125.3 125.4 125.5 125.6 125.7 125.8 125.9 126.0 126.1 126.2 126.3 126.4 126.5 126.6 126.7 126.8 126.9 127.0 127.1 127.2 127.3 127.4 127.5 127.6 127.7 127.8 127.9 128.0 128.1 128.2 128.3 128.4 128.5 128.6 128.7 128.8 128.9 129.0 129.1 129.2 129.3 129.4 129.5 129.6 129.7 129.8 129.9 130.0 130.1 130.2 130.3 130.4 130.5 130.6 130.7 130.8 130.9 131.0 131.1 131.2 131.3 131.4 131.5 131.6 131.7 131.8 131.9 132.0 132.1 132.2 132.3 132.4 132.5 132.6 132.7 132.8 132.9 133.0 133.1 133.2 133.3 133.4 133.5 133.6 133.7 133.8 133.9 134.0 134.1 134.2 134.3 134.4 134.5 134.6 134.7 134.8 134.9 135.0 135.1 135.2 135.3 135.4 135.5 135.6 135.7 135.8 135.9 136.0 136.1 136.2 136.3 136.4 136.5 136.6 136.7 136.8 136.9 137.0 137.1 137.2 137.3 137.4 137.5 137.6 137.7 137.8 137.9 138.0 138.1 138.2 138.3 138.4 138.5 138.6 138.7 138.8 138.9 139.0 139.1 139.2 139.3 139.4 139.5 139.6 139.7 139.8 139.9 140.0 140.1 140.2 140.3 140.4 140.5 140.6 140.7 140.8 140.9 141.0 141.1 141.2 141.3 141.4 141.5 141.6 141.7 141.8 141.9 142.0 142.1 142.2 142.3 142.4 142.5 142.6 142.7 142.8 142.9 143.0 143.1 143.2 143.3 143.4 143.5 143.6 143.7 143.8 143.9 144.0 144.1 144.2 144.3 144.4 144.5 144.6 144.7 144.8 144.9 145.0 145.1 145.2 145.3 145.4 145.5 145.6 145.7 145.8 145.9 146.0 146.1 146.2 146.3 146.4 146.5 146.6 146.7 146.8 146.9 147.0 147.1 147.2 147.3 147.4 147.5 147.6 147.7 147.8 147.9 148.0 148.1 148.2 148.3 148.4 148.5 148.6 148.7 148.8 148.9 149.0 149.1 149.2 149.3 149.4 149.5 149.6 149.7 149.8 149.9 150.0 150.1 150.2 150.3 150.4 150.5 150.6 150.7 150.8 150.9 151.0 151.1 151.2 151.3 151.4 151.5 151.6 151.7 151.8 151.9 152.0 152.1 152.2 152.3 152.4 152.5 152.6 152.7 152.8 152.9 153.0 153.1 153.2 153.3 153.4 153.5 153.6 153.7 153.8 153.9 154.0 154.1 154.2 154.3 154.4 154.5 154.6 154.7 154.8 154.9 155.0 155.1 155.2 155.3 155.4 155.5 155.6 155.7 155.8 155.9 156.0 156.1 156.2 156.3 156.4 156.5 156.6 156.7 156.8 156.9 157.0 157.1 157.2 157.3 157.4 157.5 157.6 157.7 157.8 157.9 158.0 158.1 158.2 158.3 158.4 158.5 158.6 158.7 158.8 158.9 159.0 159.1 159.2 159.3 159.4 159.5 159.6 159.7 159.8 159.9 160.0 160.1 160.2 160.3 160.4 160.5 160.6 160.7 160.8 160.9 161.0 161.1 161.2 161.3 161.4 161.5 161.6 161.7 161.8 161.9 162.0 162.1 162.2 162.3 162.4 162.5 162.6 162.7 162.8 162.9 163.0 163.1 163.2 163.3 163.4 163.5 163.6 163.7 163.8 163.9 164.0 164.1 164.2 164.3 164.4 164.5 164.6 164.7 164.8 164.9 165.0 165.1 165.2 165.3 165.4 165.5 165.6 165.7 165.8 165.9 166.0 166.1 166.2 166.3 166.4 166.5 166.6 166.7 166.8 166.9 167.0 167.1 167.2 167.3 167.4 167.5 167.6 167.7 167.8 167.9 168.0 168.1 168.2 168.3 168.4 168.5 168.6 168.7 168.8 168.9 169.0 169.1 169.2 169.3 169.4 169.5 169.6 169.7 169.8 169.9 170.0 170.1 170.2 170.3 170.4 170.5 170.6 170.7 170.8 170.9 171.0 171.1 171.2 171.3 171.4 171.5 171.6 171.7 171.8 171.9 172.0 172.1 172.2 172.3 172.4 172.5 172.6 172.7 172.8 172.9 173.0 173.1 173.2 173.3 173.4 173.5 173.6 173.7 173.8 173.9 174.0 174.1 174.2 174.3 174.4 174.5 174.6 174.7 174.8 174.9 175.0 175.1 175.2 175.3 175.4 175.5 175.6 175.7 175.8 175.9 176.0 176.1 176.2 176.3 176.4 176.5 176.6 176.7 176.8 176.9 177.0 177.1 177.2 177.3 177.4 177.5 177.6 177.7 177.8 177.9 178.0 178.1 178.2 178.3 178.4 178.5 178.6 178.7 178.8 178.9 179.0 179.1 179.2 179.3 179.4 179.5 179.6 179.7 179.8 179.9 180.0 180.1 180.2 180.3 180.4 180.5 180.6 180.7 180.8 180.9 181.0 181.1 181.2 181.3 181.4 181.5 181.6 181.7 181.8 181.9 182.0 182.1 182.2 182.3 182.4 182.5 182.6 182.7 182.8 182.9 183.0 183.1 183.2 183.3 183.4 183.5 183.6 183.7 183.8 183.9 184.0 184.1 184.2 184.3 184.4 184.5 184.6 184.7 184.8 184.9 185.0 185.1 185.2 185.3 185.4 185.5 185.6 185.7 185.8 185.9 186.0 186.1 186.2 186.3 186.4 186.5 186.6 186.7 186.8 186.9 187.0 187.1 187.2 187.3 187.4 187.5 187.6 187.7 187.8 187.9 188.0 188.1 188.2 188.3 188.4 188.5 188.6 188.7 188.8 188.9 189.0 189.1 189.2 189.3 189.4 189.5 189.6 189.7 189.8 189.9 190.0 190.1 190.2 190.3 190.4 190.5 190.6 190.7 190.8 190.9 191.0 191.1 191.2 191.3 191.4 191.5 191.6 191.7 191.8 191.9 192.0 192.1 192.2 192.3 192.4 192.5 192.6 192.7 192.8 192.9 193.0 193.1 193.2 193.3 193.4 193.5 193.6 193.7 193.8 193.9 194.0 194.1 194.2 194.3 194.4 194.5 194.6 194.7 194.8 194.9 195.0 195.1 195.2 195.3 195.4 195.5 195.6 195.7 195.8 195.9 196.0 196.1 196.2 196.3 196.4 196.5 196.6 196.7 196.8 196.9 197.0 197.1 197.2 197.3 197.4 197.5 197.6 197.7 197.8 197.9 198.0 198.1 198.2 198.3 198.4 198.5 198.6 198.7 198.8 198.9 199.0 199.1 199.2 199.3 199.4 199.5 199.6 199.7 199.8 199.9 200.0 200.1 200.2 200.3 200.4 200.5 200.6 200.7 200.8 200.9 201.0 201.1 201.2 201.3 201.4 201.5 201.6 201.7 201.8 201.9 202.0 202.1 202.2 202.3 202.4 202.5 202.6 202.7 202.8 202.9 203.0 203.1 203.2 203.3 203.4 203.5 203.6 203.7 203.8 203.9 204.0 204.1 204.2 204.3 204.4 204.5 204.6 204.7 204.8 204.9 205.0 205.1 205.2 205.3 205.4 205.5 205.6 205.7 205.8 205.9 206.0 206.1 206.2 206.3 206.4 206.5 206

V.8. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Khoản mục					
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	310.596.988.232	174.949.978.525	723.544.055.983	32.077.536.945	1.241.168.559.685
Mua trong năm	-	11.112.197.839	12.100.522.961	1.771.374.669	24.984.095.469
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.960.596.728	16.655.550.339	103.220.407.996	-	133.836.555.063
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.941.687.011)	(3.898.523.154)	(1.919.442.668)	(9.759.652.833)
Giảm khác	-	-	(1.010.738.357)	-	(1.010.738.357)
Số dư cuối năm	324.557.584.960	198.776.039.692	833.955.725.429	31.929.468.946	1.389.218.819.027
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	212.938.116.439	130.930.589.014	311.699.008.441	9.203.496.986	664.771.210.880
Khấu hao trong năm	16.920.003.950	12.642.233.094	56.012.413.856	875.087.357	86.449.738.257
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.939.608.542)	(3.435.758.456)	(1.919.442.668)	(9.294.809.666)
Giảm khác	-	-	(24.379.589)	-	(24.379.589)
Số dư cuối năm	229.858.120.389	139.633.213.566	364.251.284.252	8.159.141.675	741.901.759.882
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	97.658.871.793	44.019.389.511	411.845.047.542	22.874.039.959	576.397.348.805
Số dư cuối năm	94.699.464.571	59.142.826.126	469.704.441.177	23.770.327.271	647.317.059.145

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 398.378.106.783 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 212.255.557.414 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

NOV 09 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V.19. Vốn chủ sở hữu									
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu									
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	280.000.000.000	6.856.205.581	43.860.571.772	(10.447.685)	57.793.998.357	40.570.325.975	-	63.420.835.146	492.491.489.146
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	88.451.680.255	-	14.895.694.933	103.347.375.188
Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	-	-	-	(13.895.785.682)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2023	-	-	-	-	-	(3.650.053.851)	-	(457.640.277)	(4.107.694.128)
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.656.916.518	-	(3.656.916.518)	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	-	(18.479.076.000)	-	(4.627.484.653)	(23.106.560.653)
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	276.000.000	-	276.000.000
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	97.152	-	1	97.153
Số dư tại ngày 31/12/2024	280.000.000.000	6.856.205.581	47.517.488.290	(10.447.685)	68.032.867.521	92.997.187.849	276.000.000	73.231.405.150	568.900.706.706
Số dư tại ngày 01/01/2025	280.000.000.000	6.856.205.581	47.517.488.290	(10.447.685)	68.032.867.521	92.997.187.849	276.000.000	73.231.405.150	568.900.706.706
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	74.033.653.758	-	14.649.169.532	88.682.823.290
Tăng vốn	-	-	7.697.232.400	-	-	(7.697.232.400)	-	856.730.000	856.730.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2024	-	-	-	-	-	(29.416.457.387)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2024	-	-	-	-	-	(7.113.330.701)	-	(842.859.334)	(7.956.190.035)
Tài sản hình thành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.264.542.434	-	(3.264.542.434)	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2024	-	-	-	-	-	(39.198.040.000)	-	(8.413.704.894)	(47.611.744.894)
Tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	-	(276.000.000)
Tăng/Giảm khác	-	-	-	-	38.271	197.544	-	(38.271)	197.544
Số dư tại ngày 31/12/2025	280.000.000.000	6.856.205.581	58.479.263.124	(10.447.685)	94.184.820.745	83.605.978.663	-	79.480.702.183	602.596.522.611

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

NOV 09 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		31/12/2024		31/12/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	42.861.929.370	-	35.877.744.978	-	42.861.929.370	35.877.744.978
- Phải thu khách hàng	18.418.660.226	(1.708.421.888)	11.428.524.302	(1.639.805.153)	16.710.238.338	9.788.719.149
- Phải thu khác	895.263.582	(165.071.565)	760.409.077	(165.071.565)	730.192.017	595.337.512
- Tiền và các khoản tương đương tiền	68.069.790.060	-	56.810.251.812	-	68.069.790.060	56.810.251.812
TỔNG CỘNG	130.245.643.238	(1.873.493.453)	104.876.930.169	(1.804.876.718)	128.372.149.785	103.072.053.451
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	256.599.809.409	-	169.514.140.269	-	256.599.809.409	169.514.140.269
- Phải trả người bán	16.444.623.794	-	18.734.070.934	-	16.444.623.794	18.734.070.934
- Chi phí phải trả	2.102.185.605	-	2.297.449.739	-	2.102.185.605	2.297.449.739
- Phải trả khác	9.071.238.302	-	2.395.050.692	-	9.071.238.302	2.395.050.692
TỔNG CỘNG	284.217.857.110	-	192.940.711.634	-	284.217.857.110	192.940.711.634



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 16 tháng 4 năm 2026
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

(Handwritten signature)

Nguyễn Tùng Nguyên

